

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17 /CV – CLL

V/v Công bố thông tin:

Báo cáo Thường niên năm 2019

TPHCM, ngày 18 tháng 3 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM,**

Tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI.**

Trụ sở chính: **Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM.**

Điện thoại: **08.3742.3502** – Fax: **08.3742.3500.**

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Chí Đăng.**

Địa chỉ: **1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM.**

Điện thoại: **028.3740.2488** – Fax: **028.3740.2487.**

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: *Báo cáo Thường niên năm 2019.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BPTT, Th03.



Lê Chí Đăng



**CAT LAI
PORT JSC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Nguyễn Thị Định – P. Cát Lái – Q. 2 – Tp. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 28) 3742 3499 Fax: + (84 28) 3742 3500

Website: <http://catlaiport.com.vn>

Mã số doanh nghiệp: 0 3 0 5 1 6 8 9 3 8

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

MỤC LỤC

| | |
|--|---------------|
| I. Thông tin chung | 1 |
| 1. Thông tin khái quát | 1 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 3 |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 3 |
| 4. Định hướng phát triển | 4 |
| 5. Các rủi ro | 5 |
| II. Tình hình hoạt động trong năm | 7 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 7 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 7 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 10 |
| a) Các khoản đầu tư lớn | 10 |
| b) Các công ty con | 11 |
| 4. Tình hình tài chính | 11 |
| a) Tình hình tài chính | 11 |
| b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 12 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 12 |
| a) Cổ phần | 12 |
| b) Cơ cấu cổ đông | 12 |
| c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 13 |
| d) Giao dịch cổ phiếu quỹ | 13 |
| e) Các chứng khoán khác | 13 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 13 |
| 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu | 13 |
| 6.2. Tiêu thụ năng lượng | 13 |
| 6.3. Tiêu thụ nước | 13 |
| 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường | 13 |
| 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động | 13 |
| 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương | 14 |
| 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh | 14 |
| III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc | 15 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 15 |

| | | |
|------------|--|-----------|
| 2. | Tình hình tài chính | 16 |
| a) | Tình hình tài sản | 16 |
| b) | Tình hình nợ phải trả | 17 |
| 3. | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 18 |
| 4. | Kế hoạch phát triển trong tương lai | 18 |
| 5. | Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) | 19 |
| 6. | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội | 20 |
| IV. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty | 21 |
| 1. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 21 |
| 2. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty | 21 |
| 3. | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 23 |
| V. | Quản trị công ty | 24 |
| 1. | Hội đồng quản trị | 24 |
| a) | Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị | 24 |
| b) | Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 24 |
| c) | Hoạt động của Hội đồng quản trị | 24 |
| d) | Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành | 28 |
| e) | Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị | 28 |
| 2. | Ban Kiểm soát | 29 |
| a) | Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát | 29 |
| b) | Hoạt động của Ban kiểm soát | 29 |
| c) | Kết quả giám sát hoạt động Công ty năm 2019 | 30 |
| d) | Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 | 32 |
| e) | Một số kiến nghị của Ban kiểm soát | 33 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | 33 |
| a) | Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác năm 2013 | 33 |
| b) | Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ | 34 |
| c) | Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ | 34 |
| d) | Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty | 34 |
| VI. | Báo cáo tài chính | 35 |
| 1. | Ý kiến kiểm toán | 35 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm) | 35 |

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2007 và thay đổi lần thứ 09 ngày 07/05/2019.
- Vốn điều lệ: 340.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 607.503.397.068 VND (tại ngày 31/12/2019)
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM
- Số điện thoại: 028.3742.3499
- Số fax: 028.3742.3500
- Website: www.catlaipor.com.vn
- Mã cổ phiếu: CIL
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập vào ngày 27/08/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập chính là Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên xung phong (CINCO), nay là Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong (24,38% vốn điều lệ) và Công ty Tân Cảng Sài Gòn, nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (20,89% vốn điều lệ). Công ty được thành lập để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và khai thác cầu cảng chuyên dụng xếp dỡ hàng Container của Cảng Cát Lái tại phường Cát Lái, quận 2, TP.HCM theo giấy chứng nhận đầu tư số 41121000087 do Ủy ban nhân dân TP.HCM cấp ngày 09/06/2008. Cảng Cát Lái xây dựng trên khu đất 6,2 ha và mặt nước tiếp giáp khu đất phía bờ sông Đồng Nai thuộc phạm vi khu nước cầu tàu Vitaico cũ đã di dời thành cảng liên hoàn với khu cảng container hiện hữu Tân Cảng - Cát Lái của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và TP.HCM.
 - Giai đoạn tháng 09/2007 đến hết tháng 12/2008: Công ty đã tiến hành các thủ tục xin giấy chứng nhận đầu tư và đầu tư xây dựng từ khu đất, cầu cảng của Công ty Vitaico cũ, thành Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái với quy mô 216 mét cầu cảng container chuyên dụng có khả năng tiếp nhận tàu 3 vạn tấn sức chở 2.500 teu có thể cập cảng và 6,2ha bãi hàng container cùng với các thiết bị xếp dỡ phục vụ cho hoạt động khai thác cảng biển bao gồm: 04 cầu khung Mijack, 02 cầu bờ K.E.
 - Ngày 30/05/2008: Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.
 - Ngày 07/01/2009: Cục Hàng hải Việt Nam đã cấp giấy phép chính thức đưa cầu cảng vào hoạt động.
 - Ngày 31/07/2009: Công ty thay đổi giấy kinh doanh lần thứ 1, thay đổi số chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ theo mã số thuế là 0305168938.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tháng 12/2009: Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng đầu tư khai thác bến tàu 2.200 DWT (bến sà lan B7).
- Tháng 08/2011: Chào bán chứng khoán ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 149.973.470.000 đồng lên 240.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 85/GCN- UBCK ngày 18/08/2011. Công ty hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCK Nhà nước vào ngày 10/11/2011.
- Năm 2012:
 - ✓ Tháng 04/2012: Đầu tư và đưa vào khai thác thêm 01 cầu bờ container dạng khung chạy trên ray tạo thành hệ thống thiết bị cầu bờ hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu xếp dỡ xuất nhập tàu tại cầu tàu số 7.
 - ✓ Tháng 09/2012: Đưa vào khai thác 02 cầu khung RTG 6+1 hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu xếp dỡ container tại bãi hàng.
- Năm 2013:
 - ✓ Tháng 01/2013: Thành lập Phòng Điều hành Logistics theo chủ trương mở rộng ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - ✓ Tháng 03/2013: Công ty trở thành công ty đại chúng quy mô lớn.
 - ✓ Từ tháng 03/2013 đến hết 12/2013: Đầu tư 20 xe dầu kéo và 40 sơ-mi rơ-moóc phục vụ hoạt động vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- Năm 2014:
 - ✓ Đầu tư thêm 20 xe dầu kéo và 30 sơ-mi rơ-moóc nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá bằng đường bộ của khách hàng.
 - ✓ Ngày 08/07/2014: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được đưa vào giao dịch chính thức trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, mã chứng khoán: CLL.
- Năm 2015:
 - ✓ Đầu tư thêm 07 xe dầu kéo và 30 sơ-mi rơ-moóc nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá bằng đường bộ của khách hàng.
 - ✓ Ngày 26/06/2015: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái với tổng số tiền là 7.000.000.000 đồng, chiếm 35% vốn điều lệ.
 - ✓ Ngày 13/07/2015: Thay đổi lần 01 về chứng nhận đăng ký chứng khoán, theo đó số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung là 10.000.000 cổ phiếu.
 - ✓ Ngày 24/07/2015: Phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 đồng lên 340.000.000.000 đồng theo Quyết định số 302/QĐ-SGDIICM ngày 22/07/2015.
 - ✓ Tháng 10/2015: Hoàn thành việc lắp dựng và đưa vào khai thác thêm 02 cầu RTG 6+1 mới 100% tại cảng Cát Lái.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Năm 2016:
 - ✓ Đầu tư thêm 20 sơ-mi rơ-mooc nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá bằng đường bộ của khách hàng.
- Năm 2018:
 - ✓ Tháng 1/2018: Góp thêm 12.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái, nâng tỷ lệ chiếm giữ lên 54,29% vốn điều lệ.
 - ✓ Tháng 8/2018: Mua đất chuẩn bị xây dựng nhà văn phòng Công ty.
- Năm 2019:
 - ✓ Mua 2.523.400 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ Công ty CP Tân Cảng Quế Võ (Bắc Ninh).
 - Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái không ngừng phát triển, đầu tư xây dựng toàn diện hệ thống cầu cảng, bến bãi, máy móc thiết bị hiện đại, đồng thời tuyển dụng, đào tạo CBNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

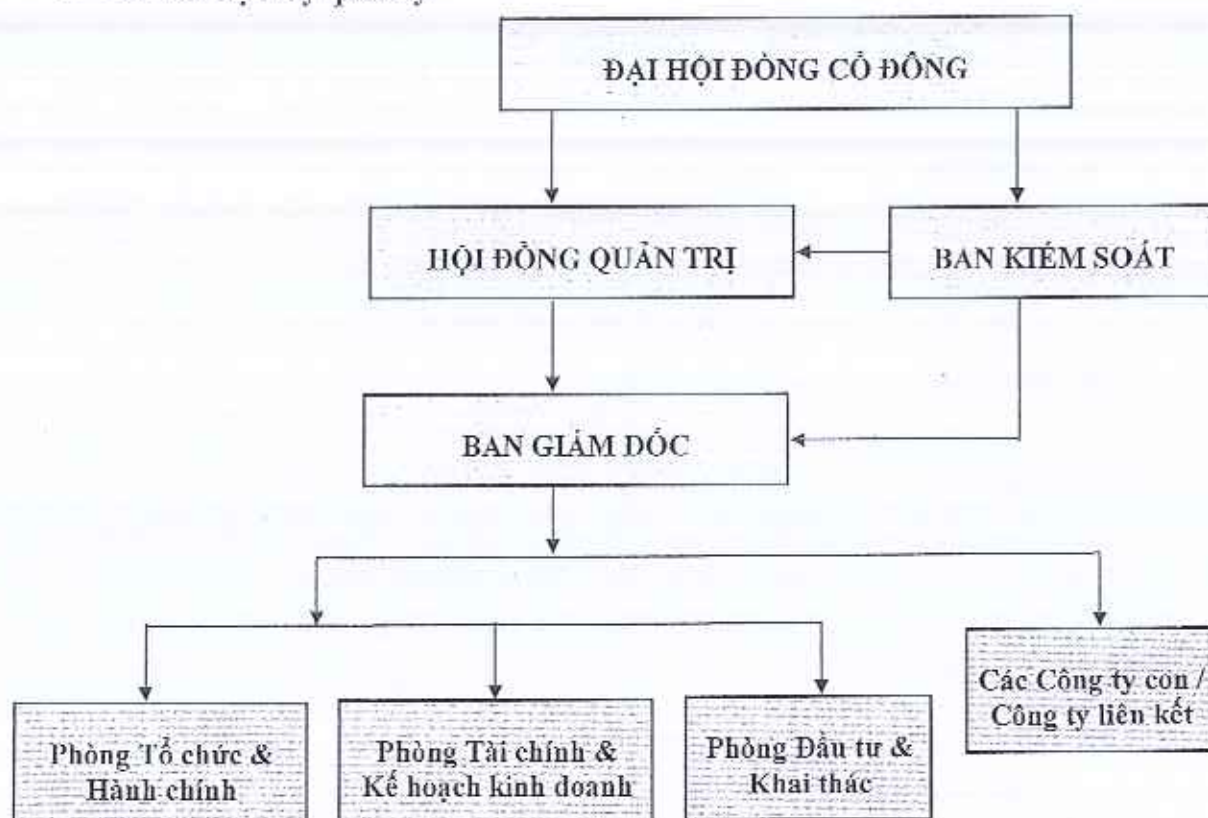
- **Ngành nghề kinh doanh chính**
 - Cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ.
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- **Địa bàn kinh doanh**
 - Cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ và cho thuê phương tiện thiết bị tại Cảng Tân Cảng - Cát Lái, 1295B Đường Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Q.2, TP. HCM.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị**
 - Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
 - Hội đồng quản trị: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Hội đồng quản trị gồm 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
 - Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
 - Ban Giám đốc: do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Giám đốc Công ty gồm: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết

| Stt | Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|---|---|----------------------|--------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q. 2, TP.HCM | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | 19.000.000.000 VNĐ | 54,286% |
| 2 | Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ | Thôn Kiều Lương, Xã Dức Long, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh | Dịch vụ cảng, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. | 78.225.000.000 VNĐ | 20% |

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Công ty được thành lập với mục đích: huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; đem lại nguồn lợi nhuận ngày càng tăng cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Hướng đến sự phát triển bền vững, trong quá trình phát triển dịch vụ, Công ty luôn đặt trọng tâm đáp ứng tốt nhất công tác An toàn - Chất lượng.

- Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành; xây dựng và phát triển Công ty thành Công ty mạnh, bền vững, có tốc độ tăng trưởng nhanh và có tính cạnh tranh cao.

- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên.

- Thực hiện tốt mối quan hệ bình đẳng giữa Công ty với cán bộ công nhân viên, đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

- Xây dựng những giá trị văn hoá tốt đẹp mang bản sắc Công ty.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Khai thác hiệu quả các mảng dịch vụ cốt lõi: cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ container tại bãi, cầu tàu.

- Tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có của thương hiệu Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và các cơ sở hạ tầng kết nối của Tổng Công ty để cùng với Tổng Công ty phát triển nhanh và bền vững dịch vụ logistics trọn gói hiện đại và chuyên nghiệp.

- Nỗ lực hoàn thiện để trở thành Công ty có chất lượng dịch vụ hàng đầu và là lựa chọn tin cậy của khách hàng về dịch vụ khai thác cảng cũng như dịch vụ logistics.

- Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh trong các lĩnh vực là thế mạnh khác gắn liền với khai thác cảng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và có tốc độ tăng trưởng nhanh.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty**

- Luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo mục tiêu an toàn lao động. Các hoạt động an toàn hàng hải, an ninh cảng biển, phòng cháy chữa cháy,... luôn được triệt để tuân thủ.

- Luôn tích cực vận động, ủng hộ và nhiệt tình hỗ trợ Công đoàn và cán bộ công nhân viên Công ty tham gia các hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động phong trào.

5. Các rủi ro

- **Rủi ro tài chính:**

- Rủi ro tín dụng: là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

- ✓ Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để kịp thời đôn đốc thu hồi các khoản đến hạn.

I. THÔNG TIN CHUNG

✓ Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng uy tín ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Mức độ rủi ro đối với việc trả nợ của Công ty là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

- Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm các rủi ro về lãi suất và giá chứng khoán.

- ✓ Rủi ro lãi suất: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

- ✓ Rủi ro về giá chứng khoán: Mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

- Rủi ro về môi trường:

- Công ty nhận diện các nguồn nguy hại chính liên quan đến vấn đề môi trường phát sinh khi vận chuyển, xếp dỡ các loại hàng hoá nguy hiểm; việc thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý các nguồn rác thải. Ngoài ra, còn có những mối nguy hại vật lý: các sự cố cháy nổ, sự cố điện, nhiệt.

- Đánh giá về tiềm năng ảnh hưởng sức khoẻ con người là việc đảm bảo điều kiện làm việc và lao động, sức khỏe, mức công việc, độ cao, tiếng ồn, bức xạ, an toàn và an ninh cộng đồng.

- Công trình cầu cảng có vị trí địa lý nằm ở gần ngã 3 sông và chịu ảnh hưởng của việc khai thác cát các của công trình lân cận nên có nguy cơ dòng chảy làm xói mòn gây sạt lở đất làm chuyển vị công trình.

- Sự sụt lún của khu bãi container, do điều kiện địa hình, địa chất và kết cấu nền đất chung toàn khu vực là đất yếu và không được xử lý nền đất yếu trước khi thi công kết cấu áo bãi (khi xây dựng cần đầu tư nhiều trong việc san lấp, tôn tạo, gia cố nền móng công trình và chấp nhận bù lún trong quá trình khai thác).

Công ty luôn kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, xử lý chất thải, việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn lao động, PCCN và bảo vệ môi trường,... Đồng thời, thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành trong việc thực hiện các kế hoạch, triển khai công tác kiểm tra theo quy định.

Công ty cũng đã ký kết những hợp đồng bảo hiểm phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 | Kết quả 2019 | TH 2019 / KH 2019 | TH 2019 / TH 2018 |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu | 201.720.810.518 | 193.000.000.000 | 206.108.384.178 | 106,79% | 102,18% |
| Lợi nhuận trước thuế (LNIT) | 107.864.127.055 | 106.000.000.000 | 107.600.884.006 | 101,51% | 99,76% |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 86.271.480.090 | 84.600.000.000 | 86.343.195.463 | 102,06% | 100,08% |

Hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn nhất về doanh thu và lợi nhuận.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 | Kết quả 2019 | TH 2019 / KH 2019 | TH 2019 / TH 2018 |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu | 385.163.636.904 | 377.935.200.000 | 360.441.055.688 | 95,37% | 93,58% |
| Lợi nhuận trước thuế (LNSTT) | 114.860.730.081 | 112.005.200.000 | 112.933.759.546 | 100,83% | 98,32% |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 91.842.072.099 | 89.404.160.000 | 90.267.069.555 | 100,97% | 98,29% |
| - LNST của Công ty mẹ | 89.295.515.752 | 87.207.986.298 | 87.707.982.170 | 100,57% | 98,22% |
| - LNST của cổ đông không kiểm soát | 2.546.556.347 | 2.196.173.702 | 2.559.087.385 | 116,52% | 100,41% |

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành nhiệm kỳ III (27/4/2018 – 2023) năm 2019

1. Ông Nguyễn Phương Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển; Thạc sỹ Tài chính & Thương mại Quốc tế, chuyên ngành Vận tải biển

+ Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

• Giám đốc Trung tâm Điều độ cảng – Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn

+ Số lượng cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái:

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

• Đại diện sở hữu : 8.716.170 cổ phần, chiếm 25,636% vốn điều lệ.

+ Số lượng cổ phần sở hữu của những người có liên quan: không có.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2. Ông Lê Thành Khoa – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - luật
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch TNXP.
- Số lượng cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái:
- Sở hữu cá nhân : 20.000 cổ phần, chiếm 0,059% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 7.498.750 cổ phần, chiếm 22,055% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần sở hữu của những người có liên quan: không có.

3. Ông Lê Chí Đăng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kiến trúc sư
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP phát triển nông nghiệp TNXP (ADECO)
- Thành viên HĐQT Công ty CP Tân cảng Quế Võ
- Số lượng cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái:
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần sở hữu của những người có liên quan: không có.

4. Ông Phạm Hiếu Đạo – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân QTKD; Thạc sỹ TC & QL vận tải.
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái
- Số lượng cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái:
- Sở hữu cá nhân : 3.207 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần sở hữu của những người có liên quan: không có.

5. Ông Nguyễn Châu Bảo – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:
- Nhân viên Lực lượng TNXP.
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

6. Bà Nguyễn Huỳnh Mai – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:
- Giám đốc P. KH Đầu tư Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNIH MTV.
- Sổ chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
- Sở hữu cá nhân : 5.500 cổ phần, chiếm 0,016% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có.

7. Ông Nguyễn Viết Trường – Kế toán trưởng:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học Tài chính - Kế toán, chuyên ngành tài chính tín dụng.

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Trưởng BKS Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình.
- Trưởng BKS Công ty CP giải pháp CNTT Tân Cảng.
- Sổ chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có.
- Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2019, Công ty có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

| Stt | Họ tên | Chức vụ | Lý do thay đổi |
|-----------|--------------------------|------------------------------------|---|
| I | Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT | Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2019 ngày 19/4/2019. |
| 2 | Lâm Văn Tuấn | Thành viên HĐQT | |
| 3 | Lê Thanh Sơn | Thành viên HĐQT | |
| 1 | Nguyễn Phương Nam | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ 2019 ngày 19/4/2019. |
| 2 | Lê Chí Dăng | Thành viên HĐQT | |
| 3 | Phạm Hiếu Đạo | Thành viên HĐQT | |
| II | Ban kiểm soát | | |
| 1 | Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ 2019 ngày 19/4/2019. |
| 2 | Nguyễn Xuân Vinh | Kiểm soát viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ 2019 ngày 19/4/2019. |
| 3 | Đỗ Thanh Thành | Kiểm soát viên (Từ tháng 1-4/2019) | BKS bầu lại Trưởng ban |
| | | Trưởng ban (Từ tháng 4-12/2019) | |

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| Stt | Họ tên | Chức vụ | Lý do thay đổi |
|-----|--------------------|----------------|---------------------------|
| III | Ban điều hành | | |
| 1 | Lâm Văn Tuấn | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19/4/2019 |
| 2 | Nguyễn Đình Thi | Phó Giám đốc | |
| 3 | Lê Thanh Sơn | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 1/12/2019 |
| 1 | Lê Chí Đăng | Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 19/4/2019 |
| 2 | Phạm Hữu Đạo | Phó Giám đốc | |
| 3 | Nguyễn Việt Trường | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm ngày 1/12/2019 |

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty năm 2019: Trong năm 2019 Công ty đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động theo Thỏa ước Lao động 2019 đã ban hành như: các chế độ bảo hiểm, hỗ trợ tiền ăn ca, hỗ trợ gia đình người lao động gặp khó khăn, chế độ thai sản cho lao động nữ, chế độ hiếu hỉ và tổ chức khám chữa bệnh định kỳ, chế độ nghỉ dưỡng, du lịch cho tất cả cán bộ nhân viên vào tháng 3 năm 2019, chế độ bồi dưỡng người lao động làm việc trong môi trường độc hại bằng hiện vật,...) theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cũng như thỏa ước lao động tập thể.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CBNV, đảm bảo thu nhập CBNV luôn được cải thiện và nâng cao; đồng thời chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần, thường xuyên tổ chức các hoạt động hội thao và họp mặt nhân dịp các ngày lễ tết lớn,... làm cho người lao động luôn yên tâm và gắn bó vì sự phát triển của Công ty.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 37 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Đầu năm 2019 Công ty thay đổi mức lương tối thiểu từ 3,98 triệu đồng lên 4,18 triệu đồng theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ban hành ngày 16/11/2018 về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Dự án nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 cảng Tân Cảng - Cát Lái:

- Tổng mức đầu tư sau khi Đơn vị Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoàn chỉnh và được Đơn vị thẩm tra hoàn chỉnh là : 59.216.959.427 đồng,

- Dự án được chia thành 02 giai đoạn:

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

+ Giai đoạn 1 : Thực hiện năm 2019, đầu tư 1 phần đường D9 diện tích 2.799,67 m² và 1 phần bãi diện tích 21.105,89 m².

+ Giai đoạn 2 : Thực hiện năm 2020, đầu tư phần còn lại đường D9 diện tích 3.562,05 m² và phần còn lại bãi diện tích 24.683,94 m².

Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Cảng ICD Quế Võ (Bắc Ninh):

+ Mua 2.523.400 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty CP Cảng ICD Quế Võ với giá 31.000 đồng/cổ phần, (tổng giá trị đầu tư: 78.225.400.000 đồng).

+ Hiện, Công ty CP Cảng ICD Quế Võ đã hoàn tất thủ tục đổi tên doanh nghiệp thành Công ty CP Tân Cảng Quế Võ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2310021818 thay đổi lần thứ 4 ngày 29/5/2019 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

b) Công ty con

Tháng 6/2015, góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái với tổng số tiền là 7 tỷ đồng, chiếm 35% vốn điều lệ.

Tháng 1/2018, Công ty đã đầu tư thêm 12 tỷ đồng trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng của Công ty CP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái, nâng tỷ lệ góp vốn lên 54,29%.

Trong năm vừa qua, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái đã mang lại lợi nhuận, đóng góp ngân sách nhà nước và tạo việc làm ổn định cho người lao động:

| | |
|--------------------------|------------------------|
| - Doanh thu | : 167.272.671.510 đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : 7.017.005.102 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : 5.606.003.654 đồng |
| - Nộp Ngân sách nhà nước | : 1.619.936.090 đồng |
| - Dự kiến chia cổ tức | : 12% / Vốn điều lệ |

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | % |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản | 635.877.679.997 | 621.921.579.817 | 102,24% |
| Doanh thu thuần | 194.025.349.838 | 195.153.217.113 | 99,42% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 107.399.265.034 | 108.283.502.584 | 99,18% |
| Lợi nhuận khác | 201.618.972 | (419.375.529) | |
| Lợi nhuận trước thuế | 107.600.884.006 | 107.864.127.055 | 99,76% |
| Lợi nhuận sau thuế | 86.343.195.463 | 86.271.480.090 | 100,08% |

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|----------|--------------------------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn | 8,59 | 13,25 |
| + Hệ số thanh toán tức thời (Tiền và các khoản tương đương tiền) / Nợ ngắn hạn | 6,26 | 11,45 |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | |
| + Hệ số Nợ / Tổng tài sản | 0,04 | 0,03 |
| + Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu | 0,05 | 0,03 |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân | 1113,95 | Không có hàng tồn kho |
| + Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân | 30,85% | 31,58% |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 44,50% | 44,21% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSII | 14,21% | 14,34% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | 13,58% | 13,87% |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần | 56,11% | 59,11% |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 34.000.000 phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông

| STT | Cơ cấu cổ đông | Cổ phần sở hữu | Tỷ lệ |
|-----|--------------------|----------------|---------|
| 1 | Cổ đông lớn | 21.989.352 | 64,67% |
| 2 | Cổ đông nhỏ | 12.010.648 | 35,33% |
| | Tổng cộng (1+2) | 34.000.000 | 100,00% |
| 3 | Cổ đông tổ chức | 24.472.410 | 71,97% |
| 4 | Cổ đông cá nhân | 9.527.590 | 28,03% |
| | Tổng cộng (3+4) | 34.000.000 | 100,00% |
| 5 | Cổ đông trong nước | 31.530.349 | 92,73% |
| 6 | Cổ đông nước ngoài | 2.469.651 | 7,27% |
| | Tổng cộng (5+6) | 34.000.000 | 100,00% |
| 7 | Cổ đông nhà nước | 16.214.920 | 47,69% |
| 8 | Cổ đông khác | 17.785.080 | 52,31% |
| | Tổng cộng (7+8) | 34.000.000 | 100,00% |

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Để vận hành các thiết bị chuyên dùng trong quy trình khai thác cảng Công ty, ngoài sử dụng năng lượng điện, các thiết bị cầu còn có thể sử dụng nhiên liệu xăng, dầu khi cần thiết (trong trường hợp khi gặp sự cố về điện, sửa chữa, bảo dưỡng,...).

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty hiện đang khai thác 03 cầu giàn KE, 04 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 và 01 cầu bờ Liebherr tại cảng Tân Cảng - Cát Lái. Tất cả các thiết bị cầu này đều tiêu thụ năng lượng điện để hoạt động.

Chi phí điện phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 là 10.355.703.453 đồng và điện khối văn phòng sử dụng là 100.528.639 đồng.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Về chi phí nước tiêu thụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh: do Công ty hoạt động chung trong hệ thống Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn tại cảng Tân Cảng - Cát Lái nên sử dụng chung hệ thống cơ sở hạ tầng, nguồn nước của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ nước uống sinh hoạt văn phòng, chi phí năm 2019 là: 2.470.909 đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Từ khi thành lập tới nay, Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Hàng năm, các đoàn kiểm tra về môi trường đều đến kiểm tra tại Công ty và có các nhận xét tốt về các hoạt động tuân thủ pháp luật môi trường của Công ty.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Lao động hiện có tại thời điểm 31/12/2019 : 37 người

Số lao động tăng trong kỳ : 03 người

Số lao động giảm trong kỳ : 03 người

Tổng số lao động bình quân năm 2019 : 37 người

- Tiền lương

Tổng quỹ tiền lương năm 2019: 11.805.977.892 đồng, trong đó:

- Quỹ lương Người lao động : 9.659.436.457 đồng (bằng 9,0% trên Tổng Doanh thu trừ Tổng Chi phí không lương).

- Quỹ lương Ban điều hành : 2.146.541.435 đồng (bằng 2,0% trên Tổng Doanh thu trừ Tổng Chi phí không lương).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với Trung tâm y tế Tân Cảng để cung cấp dịch vụ khám sức khỏe tổng quát cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

Đồng thời nhằm ngăn chặn bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, Công ty đã cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, PCCC và huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, PCCN cho toàn bộ cán bộ nhân viên; chế độ bồi dưỡng người lao động làm việc trong môi trường độc hại bằng hiện vật.

Người lao động làm việc tại Công ty hàng năm hưởng các chế độ phúc lợi như: tham quan du lịch hàng năm, hỗ trợ tiền ăn ca, nhận trợ cấp đột xuất (khi ốm đau bệnh tật, tử thân phụ mẫu, vợ / chồng, con bị bệnh,...), nhận các chế độ hiếu - hi, quà tết, quà trung thu, quà cho các bé thiếu nhi,...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 16 giờ/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2019, Công ty có những hoạt động hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như:

- Ủng hộ chương trình “Người nghèo có Tết” do phường Cát Lái phát động.
- Đóng góp vào Quỹ “Xây dựng cơ sở hạ tầng” của phường Cát Lái.
- Đóng góp vào Quỹ “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” do TCT TCSG phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những bước chuẩn bị và định hướng để phát triển thị trường vốn xanh và sẽ báo cáo ngay khi có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

Năm 2019, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Tổng doanh thu đạt 206,1 tỷ đồng, bằng 106,79% kế hoạch năm và bằng 102,17% so với thực hiện năm 2018.

+ Tổng chi phí là 98,5 tỷ đồng, bằng 113,23% kế hoạch năm và bằng 104,95% so với thực hiện năm 2018.

+ Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 107,6 tỷ đồng, bằng 101,51% kế hoạch năm và bằng 99,76% so với thực hiện năm 2018.

+ Nộp ngân sách Nhà nước: 37,18 tỷ đồng (trong đó: thuế TNDN phải nộp là 21,26 tỷ đồng), bằng 109,36% kế hoạch năm và bằng 96,18% so với năm 2018.

+ Đánh giá khả năng sinh lời năm 2019:

• Lợi nhuận trước thuế / Vốn CSH BQ = 17,80% (giảm 0,30% / TH 2018)

• Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản BQ = 17,11% (giảm 0,34% / TH 2018)

• Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ = 25,40% (tăng 0,02% / TH 2018)

• Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSII = 14,21% (giảm 0,13% / TH 2018)

• Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản = 13,58% (giảm 0,29% / TH 2018)

• Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần = 44,50% (tăng 0,29% / TH 2018)

• Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần = 56,11% (giảm 3,00% / TH 2018)

+ Đánh giá khả năng thanh toán năm 2019:

• Khả năng thanh toán tổng quát = 22,41 lần (giảm 8,08 lần / TH 2018)

• Khả năng thanh toán ngắn hạn = 8,59 lần (giảm 4,66 lần / TH 2018)

• Khả năng thanh toán nhanh = 6,26 lần (giảm 5,19 lần / TH 2018)

• Nợ phải trả / Vốn CSH = 0,05 lần (tăng 0,01 lần / TH 2018)

→ Công ty có nền tài chính lành mạnh, các khả năng thanh toán tốt.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Tháng 12/2019: mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, quy mô Công ty sau khi hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu toàn bộ 2.523.400 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ) của Công ty CP Tân Cảng Quế Võ.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản Công ty mẹ

- Tài sản ngắn hạn:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Cuối kỳ 2019 | | Đầu kỳ 2019 | | % tăng giảm |
|-----|-------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|---------------|
| | | Số đầu năm | Tỷ trọng | Số cuối năm | Tỷ trọng | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 48.643.715.929 | 19,95% | 233.505.125.671 | 86,38% | 20,83% |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 129.000.000.000 | 52,92% | - | 0,00% | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 59.788.235.965 | 24,53% | 31.041.505.179 | 11,48% | 192,61% |
| 4 | Hàng tồn kho | 152.900.000 | 0,06% | - | 0,00% | |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 6.195.343.943 | 2,54% | 5.787.492.714 | 2,14% | 107,05% |
| | Tổng cộng | 243.780.195.837 | 100,00% | 270.334.123.564 | 100,00% | 90,18% |

Theo số liệu trên ta thấy năm 2019 tài sản ngắn hạn giảm 9,82% so với năm 2018, chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền giảm do: Công ty đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp.

- Tài sản dài hạn:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Cuối kỳ 2019 | | Đầu kỳ 2019 | | % tăng giảm |
|-----|------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|----------------|
| | | Số đầu năm | Tỷ trọng | Số cuối năm | Tỷ trọng | |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 30.951.314.508 | 7,89% | 41.222.978.348 | 11,72% | 75,08% |
| 2 | Tài sản cố định | 239.208.658.415 | 61,01% | 267.184.925.905 | 75,99% | 89,53% |
| 3 | Tài sản dở dang dài hạn | 22.453.511.237 | 5,73% | 21.920.000.000 | 6,23% | 102,43% |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 99.484.000.000 | 25,37% | 21.258.600.000 | 6,05% | 467,97% |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | - | 0,00% | 952.000 | 0,00% | 0,00% |
| | Tổng cộng | 392.097.484.160 | 100,00% | 351.587.456.253 | 100,00% | 111,52% |

Theo số liệu trên, tài sản dài hạn của Công ty tăng 11,52% so với năm 2019, chủ yếu là Công ty đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp (mua cổ phần của Công ty CP Tân Cảng Quế Võ).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

| Stt | Chỉ tiêu | Cuối kì 2019 | | Đầu kì 2019 | | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|----------------|
| | | Số đầu năm | Tỷ trọng | Số cuối năm | Tỷ trọng | |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 28.374.282.929 | 100,00% | 20.395.064.470 | 100,00% | 139,12% |
| | Phải trả người bán | 12.111.692.256 | 42,69% | 2.080.093.903 | 10,20% | 582,27% |
| | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 0,00% | | | 0,00% |
| | Thuế và các khoản phải nộp | 4.032.892.809 | 14,21% | 4.889.859.384 | 23,98% | 82,47% |
| | Phải trả người lao động | 2.832.611.377 | 9,98% | 4.073.001.897 | 19,97% | 69,55% |
| | Chi phí phải trả | | 0,00% | | | 0,00% |
| | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.073.459.717 | 14,36% | 3.367.300.289 | 16,51% | 120,97% |
| | Vay và nợ ngắn hạn | | 0,00% | | | 0,00% |
| | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 5.323.626.770 | 18,76% | 5.984.808.997 | 29,34% | 88,95% |
| 2 | Nợ dài hạn | - | 0,00% | - | 0,00% | 0,00% |
| | Phải trả dài hạn khác | - | 0,00% | - | 0,00% | 0,00% |
| | Vay và nợ dài hạn | - | 0,00% | - | 0,00% | 0,00% |
| | Tổng cộng | 28.374.282.929 | 100,00% | 20.395.064.470 | 100,00% | 139,12% |

Theo bảng số liệu trên, nợ phải trả của Công ty năm 2019 tăng 39,12% so với năm 2018, trong đó: toàn bộ là nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

- Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán và trong năm 2019 không phát sinh các khoản nợ, phải trả bất thường.

- Tỷ lệ Nợ / Tổng tài sản năm 2019 tăng từ 3,28% lên 4,46%. Công ty hoàn toàn có đủ năng lực để trả các khoản vay.

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền vay mua trang thiết bị và gửi ngân hàng có kỳ hạn. Tuy nhiên, Công ty đã trả hết các khoản vay và chuyển đổi ngoại tệ đang gửi ngân hàng sang tiền Việt Nam đồng.

- Ảnh hưởng chênh lệch của lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Trong năm Công ty không phát sinh khoản vay ngân hàng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2019 mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Chính sách quản lý của Công ty luôn được Ban giám đốc bổ sung và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

Hiện có nhiều cơ hội và thách thức đang ở phía trước, khi Công ty đang nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực kho bãi nhằm mở rộng quy mô. Tin tưởng rằng, với sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể CBNV, Công ty sẽ có những bước phát triển mới với những kết quả tốt đẹp hơn, toàn diện hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thuận lợi:

- Công ty hoạt động trong cùng hệ thống của TCT TCSG. Do vậy, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty sẽ gắn liền với định hướng chung của TCT TCSG. Kế hoạch năm 2020, sản lượng hàng hoá xuất nhập khẩu thông qua hệ thống TCT TCSG tiếp tục tăng trưởng so với năm trước. Vì vậy, một số hoạt động kinh doanh chính của Công ty như dịch vụ cung ứng cảng biển, xếp dỡ sà lan sẽ tiếp tục ổn định.

- Công ty CP Tân Cảng Quốc Võ do Công ty góp vốn thành lập, hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình, bao gồm: bến cảng, nhà điều hành, hạ tầng kỹ thuật,... Dự kiến đến tháng 10/2020 hoàn thành và đi vào hoạt động tổng thể sẽ tăng năng lực và mở rộng địa bàn khai thác cho Công ty.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức. Các hãng tàu, đơn vị vận tải tiếp tục gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, gây sức ép giảm giá dịch vụ.

- Tình trạng kỹ thuật các phương tiện xếp dỡ ngày càng cũ, hư hỏng nhiều; do vậy năng suất hạn chế hơn và chi phí dành cho sửa chữa phương tiện tăng cao, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Để đảm bảo duy trì chất lượng cơ sở hạ tầng và đảm bảo chất lượng dịch vụ, an toàn hàng hóa cho khách hàng, Công ty đã đầu tư nâng cấp sửa chữa đường bãi (do sụt lún, ổ gà,... trong quá trình khai thác dẫn đến tình trạng ngập nước) và chi phí sửa chữa lớn ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020:

- Đẩy mạnh chất lượng dịch vụ và nâng cao hiệu quả khai thác cầu tàu, bãi hàng, cũng như đảm bảo an toàn hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Các định hướng phát triển chung trong hệ thống TCT TCSG:
 - Tiếp tục ký kết hợp đồng xếp dỡ container bằng cầu LB06 tại bến B7 với TCT TCSG (đơn giá không đổi so với năm 2019).
 - Tiếp tục thực hiện Hợp đồng cung cấp thiết bị xếp dỡ tại bãi hàng cho TCT TCSG (đơn giá giảm 5% so với năm 2019).
 - Tiếp tục thực hiện Hợp đồng dịch vụ cung ứng cảng biển với TCT TCSG.
 - Tiếp tục hợp đồng thuê văn phòng tại cảng Tân Cảng - Cát Lái, hợp đồng khám sức khỏe cho CBNV của Công ty với TCT TCSG.
- Các định hướng và chính sách với Công ty con (Công ty CP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái):
 - Tiếp tục thuê 02 cầu RTG 6+1 của Công ty CP TVQT Cảng Cát Lái để nâng hạ container tại bãi Cảng Tân Cảng - Cát Lái (đơn giá giảm 361 triệu đồng/cầu so với năm 2019).
 - Ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn về tài chính - kế toán với Công ty CP TVQT Cảng Cát Lái (đơn giá tối thiểu 11 triệu đồng/ tháng đã bao gồm VAT).
- Các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan khác:
 - Ký kết hợp đồng du lịch với Công ty CP du lịch TNXP (V.Y.C) tổ chức chương trình tham quan du lịch cho CBNV Công ty.
 - Tổ chức Ban quản lý điều hành đi khảo sát, nghiên cứu thị trường nước ngoài nhằm tìm cơ hội hợp tác và phát triển kinh doanh.
 - Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Công ty mẹ | Công ty con | Hợp nhất |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng doanh thu | 199.750.000.000 | 169.347.000.000 | 369.097.000.000 |
| Lợi nhuận trước thuế | 95.350.000.000 | 7.100.000.000 | 100.170.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế | 75.650.000.000 | 5.680.000.000 | 80.050.000.000 |
| - LNST của Công ty mẹ | | 3.083.428.571 | 77.453.428.571 |
| - LNST của cổ đông không kiểm soát | | 2.596.571.429 | 2.596.571.429 |

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có ý kiến loại trừ.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

“Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không nằm ngoài khuôn khổ của pháp luật”. Nhận thức rõ vấn đề, từ khi thành lập đến nay Công ty luôn quán triệt tinh thần thượng tôn pháp luật trong mọi hoạt động đến với từng cán bộ, nhân viên. Việc xây dựng, ban hành Điều lệ Công ty, các quy định, quy chế, nội quy của Công ty đều căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhất là các quy định về môi trường.

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển bền vững Công ty.

Hàng năm, các đoàn kiểm tra về môi trường đều đến kiểm tra tại Công ty và có các nhận xét tốt về các hoạt động tuân thủ pháp luật môi trường của Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tất cả người lao động Công ty đều được ký Hợp đồng lao động theo đúng luật và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật. Người lao động Công ty đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày làm việc / tuần và 8 giờ / ngày đối với khối lao động gián tiếp và chế độ làm việc theo ca với khối sản xuất trực tiếp. Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được điều chỉnh theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định.

Trong năm, cũng đã sắp xếp lại một số vị trí phù hợp với tình hình tổ chức Công ty, xây dựng bộ máy quản lý hiệu quả, đảm bảo đội ngũ nhân sự có chất lượng và chuyên môn nghiệp vụ có thể đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Chất lượng nguồn nhân lực kế thừa luôn được Công ty ưu tiên, đối với các cán bộ trẻ có năng lực tốt sẽ tạo diện kiện cho đi học các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, các hoạt động cộng đồng luôn được Công ty quan tâm bên cạnh việc sản xuất kinh doanh chính.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Kết thúc năm tài chính 2019, về cơ bản Công ty hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đặt ra.

Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty đã góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường:

- Người lao động được đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định.
- Tích cực tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, gắn kết người lao động với Công ty thành một khối lợi ích không thể tách rời nhằm nâng cao hiệu suất lao động, sử dụng hiệu quả những nguồn lực sẵn có.
- Hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp ngân sách Nhà nước.
- Công tác an sinh – xã hội, các hoạt động đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm với cộng đồng và tích cực đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, phúc lợi xã hội.
- Tuân thủ những quy định về bảo vệ môi trường.

Với những tác động tích cực về kinh tế, môi trường và xã hội này, Công ty đã tạo nên một hình ảnh tốt đẹp và góp phần nâng tầm giá trị doanh nghiệp một cách bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong thời gian qua HĐQT thường xuyên theo sát các hoạt động của Công ty và công tác điều hành, quản lý của Ban Giám đốc. Đồng thời, HĐQT cũng đã có những nhận xét, đánh giá và ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Giám đốc về các vấn đề quan trọng trong công tác điều hành và kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tất cả hoạt động trong toàn Công ty tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đúng theo các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Ban Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

Trong năm, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết của Hội đồng quản trị và có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác đầu tư mua sắm được quản trị chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, Công ty được đánh giá hoạt động hiệu quả, tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển tạo niềm tin cho các cổ đông.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty luôn thực hiện đúng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát, vì vậy công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Giám đốc thuận lợi, việc giám sát của HĐQT và của Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt mối quan hệ bình đẳng giữa Công ty với cán bộ công nhân viên, đảm bảo các lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, tích cực vận động cán bộ công nhân viên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa và xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Công ty.

Nhìn chung, kết quả kinh doanh năm 2019 về cơ bản đạt được kế hoạch đề ra, đảm bảo Công ty phát triển bền vững và tuân thủ đúng pháp luật.

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện một số nội dung chính, cụ thể như sau:

- Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và các phương hướng, giải pháp thực hiện trong năm 2019.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 vào ngày 19/4/2019.
- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT đề ra. Đặc biệt, thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích và dự báo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng quý, cũng như chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.
- Chỉ đạo tập trung khai thác an toàn, hiệu quả và tận dụng tối đa năng lực của thiết bị; nâng cao công tác quản lý cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ chính sách; đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.
- Kiểm tra tình hình chấp hành và tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Kiểm tra việc thực hiện mọi nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và xã hội của doanh nghiệp.
- Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, hiệu quả; cơ bản hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đảm bảo thu nhập người lao động ổn định.
- Chỉ đạo và giao người đại diện theo uỷ quyền với phần vốn góp của Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết,... xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020: Tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ

- Tập trung khai thác an toàn, hiệu quả và tận dụng tối đa năng lực của trang thiết bị.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ chính sách cho người lao động.
- Tiếp tục đầu tư, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật cao và cán bộ quản lý của Công ty.
- Tiếp tục phát triển ổn định về quy mô, lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để mở rộng sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.
- Tăng cường công tác quản trị đầu tư, đúng hướng, đúng trình tự, thủ tục.
- Không ngừng nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi ích doanh nghiệp và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.
- Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu.
- Luôn có trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng.
- Hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và xã hội của doanh nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023) gồm có 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên không điều hành và 02 thành viên độc lập không điều hành, đáp ứng yêu cầu theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ, đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với Ban điều hành:

| Stt | Cơ cấu HĐQT | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết | | Thành viên HĐQT | | Số lượng chức danh tại các công ty khác |
|-----|-----------------------|-------------------------------------|----------|-----------------|---------|---|
| | | Cá nhân | Dại diện | Không điều hành | Độc lập | |
| 1 | Ông Nguyễn Phương Nam | 0% | 25,636% | ✓ | | 1 |
| 2 | Ông Lê Thành Khoa | 0,059% | 22,055% | ✓ | | 2 |
| 3 | Ông Lê Chí Dăng | 0% | 0% | | | 2 |
| 4 | Ông Phạm Hiếu Đạo | 0,009% | 0% | | | 1 |
| 5 | Ông Nguyễn Châu Bảo | 0% | 0% | ✓ | ✓ | 1 |
| 6 | Bà Nguyễn Huỳnh Mai | 0,016% | 0% | ✓ | ✓ | 1 |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HDQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-2018 ngày 27/4/2018 của HĐQT phân công:

- Ông Nguyễn Châu Bảo phụ trách giám sát các vấn đề liên quan đến công tác an toàn, an ninh cảng biển, quản trị lương thưởng và nhân sự của Công ty.
- Bà Nguyễn Huỳnh Mai phụ trách giám sát các vấn đề liên quan đến công tác đầu tư phát triển và quản trị tài chính của Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong thời gian qua HĐQT thường xuyên theo sát các hoạt động của Công ty và công tác điều hành, quản lý của Ban Giám đốc. Đồng thời, HĐQT cũng đã có những nhận xét, đánh giá và ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Giám đốc về các vấn đề quan trọng trong công tác điều hành và kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tất cả hoạt động trong toàn Công ty tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đúng theo các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện một số nội dung chính, cụ thể như sau:

- Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và các phương hướng, giải pháp thực hiện trong năm 2019.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 vào ngày 19/4/2019.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT đề ra. Đặc biệt, thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích và dự báo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng quý, cũng như chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.

- Chỉ đạo tập trung khai thác an toàn, hiệu quả và tận dụng tối đa năng lực của thiết bị; nâng cao công tác quản lý cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ chính sách; đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Kiểm tra tình hình chấp hành và tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Kiểm tra việc thực hiện mọi nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và xã hội của doanh nghiệp.

Các Nghị quyết / Quyết định / Tờ trình thông qua Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 06 Nghị quyết, 10 Quyết định và thông qua 03 Tờ trình liên quan đến các vấn đề sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, bổ nhiệm nhân sự Ban quản lý điều hành và các công tác khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, chi tiết như sau:

- Ban hành Nghị quyết, thông qua Tờ trình:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|----------|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT- 2019 | 5/3/2019 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua các chỉ tiêu kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Kết quả kinh doanh, kết quả đầu tư năm 2018.+ Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2019.- Thống nhất trích lập dự phòng nợ khó đòi năm 2018.- Thông qua kế hoạch chi trả tạm ứng cổ tức năm 2018.- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.- Thông qua các nội dung chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.- Thông qua việc Phó Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.- HĐQT giao Giám đốc tổ chức triển khai một số công tác quản trị điều hành.- HĐQT tổ chức triển khai một số công tác quản trị điều hành đối với Công ty con là Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái. |

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|-----------|---|
| 2 | 02/NQ-HĐQT- 2019 | 1/4/2019 | <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi thời gian tổ chức ĐIHCĐ thường niên năm 2019. |
| 3 | 03/NQ-HĐQT- 2019 | 19/4/2019 | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua các chức danh của HĐQT. Miễn nhiệm chức danh Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty đối với Ông Lâm Văn Tuấn. Bổ nhiệm chức danh Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty đối với Ông Lê Chí Đăng. Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Đình Thi. Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Phạm Hiếu Đạo. Thay đổi Người đại diện theo pháp luật Công ty từ ông Lâm Văn Tuấn sang ông Lê Chí Đăng. Giao Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. |
| 4 | 04/NQ-HĐQT- 2019 | 6/5/2019 | <ul style="list-style-type: none"> Cử Ông Lê Chí Đăng - Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần ICD Quế Võ. Cử Ông Lê Chí Đăng - Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Tp. Hồ Chí Minh. Cử Ông Phạm Hiếu Đạo - Phó Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái thay thế Ông Lâm Văn Tuấn và Ông Lê Thanh Sơn. Đề cử Ông Phạm Hiếu Đạo tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái thay thế Ông Lâm Văn Tuấn và ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. |
| 5 | 01/TT-HĐQT- 2019 | 28/6/2019 | <p>Các nội dung biểu quyết thông qua tại cuộc họp HĐQT phiên 37, nhiệm kỳ I của Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kết quả sản xuất kinh doanh và tài liệu họp ĐIHCĐ thường niên năm 2019. Cử nhân sự đại diện phần vốn tại Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái thay thế ông Lâm Văn Tuấn và ông Lê Thanh Sơn. |
| 6 | 02/TT-HĐQT- 2019 | 16/8/2019 | Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 cảng Cát Lái. |
| 7 | 05/NQ-HĐQT- 2019 | 20/8/2019 | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh quý II và thực hiện 6 tháng đầu năm 2019. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III và dự kiến 9 tháng đầu năm 2019. |

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo đầu tư 6 tháng đầu năm 2019. - Thông qua Kế hoạch đầu tư 6 tháng cuối 2019. - Thông qua trích lập dự phòng nợ khó đòi - Ban hành Quy chế chi trả thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành. - Thực hiện Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ do Chính phủ ban hành ngày 22/1/2019: hiện Công ty đang áp dụng mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và sẽ chờ các văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể để có thể tuân thủ theo quy định pháp luật một cách nhất quán. - Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT 6 tháng đầu năm 2019. - Thông qua các Báo cáo 6 tháng đầu năm của Người đại diện vốn. - HĐQT giao Giám đốc tổ chức triển khai một số công tác quản trị điều hành. - HĐQT tổ chức triển khai một số công tác quản trị điều hành đối với Công ty con là Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái. |
| 8 | 02/TT-HĐQT-2019 | 29/10/2019 | Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây lắp và gói thầu tư vấn giám sát thi công giai đoạn 1 của Dự án nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 cảng Cát Lái. |
| 9 | 06/NQ-HĐQT-2019 | 29/11/2019 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh quý III và 9 tháng đầu năm 2019. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV và dự kiến cả năm 2019. - Thông qua Báo cáo đầu tư quý III năm 2019. - Thông qua Kế hoạch đầu tư quý IV năm 2019. - Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT phiên 05 năm 2019. - Miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính & KHKD – Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Lê Thanh Sơn kể từ ngày 1/12/2019. - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Viết Trường giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính & KHKD – Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 1/12/2019. - Đề cử bổ sung Ông Nguyễn Viết Trường thay thế Ông Lê Thanh Sơn tham gia Ban kiểm soát Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái. - Thông qua các Báo cáo 9 tháng đầu năm của Người đại diện vốn. |

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Ban hành Quyết định:

| Stt | Số Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1 | 01/QĐ-HĐQT-2019 | 19/4/2019 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty đối với Ông Lâm Văn Tuấn. |
| 2 | 02/QĐ-HĐQT-2019 | 19/4/2019 | Bổ nhiệm chức danh Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty đối với Ông Lê Chí Đăng. |
| 3 | 03/QĐ-HĐQT-2019 | 19/4/2019 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Đình Thi. |
| 4 | 04/QĐ-HĐQT-2019 | 19/4/2019 | Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Phạm Hiếu Đạo. |
| 5 | 05/QĐ-HĐQT-2019 | 6/5/2019 | Cử Ông Lê Chí Đăng - Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Tân cảng Quốc Võ. |
| 6 | 06/QĐ-HĐQT-2019 | 6/5/2019 | Cử Ông Lê Chí Đăng - Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Tp. HCM. |
| 7 | 07/QĐ-HĐQT-2019 | 6/5/2019 | <ul style="list-style-type: none">- Cử Ông Phạm Hiếu Đạo - Phó Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái thay thế Ông Lâm Văn Tuấn và Ông Lê Thanh Sơn.- Đề cử Ông Phạm Hiếu Đạo tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái, ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. |
| 8 | 08/QĐ-HĐQT-2019 | 20/8/2019 | Ban hành Quy chế chi trả thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành. |
| 9 | 09/QĐ-HĐQT-2019 | 29/11/2019 | Miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính & KHKD – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đối với Ông Lê Thanh Sơn kể từ ngày 1/12/2019. |
| 10 | 10/QĐ-HĐQT-2019 | 29/11/2019 | <ul style="list-style-type: none">- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Viết Trường giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính & KHKD – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái kể từ ngày 1/12/2019.- Đề cử bổ sung Ông Nguyễn Viết Trường thay thế Ông Lê Thanh Sơn tham gia Ban kiểm soát Công ty CP Tiếp vận quốc tế Cảng Cát Lái. |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và luôn đưa ra những ý kiến đóng góp chỉ đạo, có tính xây dựng và gợi ý cho Ban Giám đốc; đồng thời trực tiếp theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban điều hành theo mảng công tác đã được Hội đồng quản trị phân công.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban.

Các phòng nghiệp vụ của Công ty chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu thông qua kênh liên lạc là Thư ký Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Từ ngày 19/4/2019, Ban kiểm soát Công ty CP Cảng Cát Lái nhiệm kỳ III (2018-2023) bao gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết |
|-----|----------------------------|----------------|-------------------------------------|
| 1 | Ông Đỗ Thanh Thành | Trưởng ban | 0,000% |
| 2 | Ông Nguyễn Quang Phước Sơn | Kiểm soát viên | 0,000% |
| 3 | Ông Nguyễn Xuân Vinh | Kiểm soát viên | 0,000% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Giám sát tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái trong quản trị, điều hành:

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ công ty, cụ thể:

- Ban kiểm soát đã cơ bản tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ công ty của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Công tác giám sát tập trung vào: Giám sát báo cáo tài chính, giám sát giao dịch với các bên liên quan và việc triển khai các dự án đầu tư. Kết quả giám sát cho thấy tình hình tài chính của công ty minh bạch, hiệu quả tài chính trong năm đạt ở mức cao; việc triển khai các dự án đầu tư được thực hiện tích cực, hiệu quả, hoạt động kinh doanh ngày một mở rộng phát triển và đạt hiệu quả cao.

- Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019: Thông qua giám sát cho thấy công ty đã triển khai và hoàn thành tốt các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông với doanh thu đạt 206,1 tỷ đồng (bằng 106,79%/KH), Lợi nhuận trước thuế đạt 107,6 tỷ đồng (bằng 101,51%/KH) và dự kiến chi trả cổ tức đạt kế hoạch đề ra (22%/Vốn điều lệ). Việc sử dụng Vốn chủ sở hữu, thù lao và ngân sách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Thẩm định báo cáo Tài chính:

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính theo đúng quy định, thực hiện giám sát độc lập quá trình kiểm toán và kết quả kiểm toán độc lập của Công ty kiểm toán A & C về việc kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019. Sau thẩm định cho thấy báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của công ty tại thời điểm 31/12/2019.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

3. Triển khai công tác kiểm tra kiểm soát tại công ty:

Ban kiểm soát đã phối hợp cùng kiểm toán độc lập, tham gia cùng các đoàn kiểm tra đột xuất cũng như định kỳ của Tổng công ty để kiểm tra giám sát các nội dung:

- Việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, qui định, văn bản của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái;
- Kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành; thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 trước và sau kiểm toán;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- Kiểm tra việc sử dụng, bảo toàn vốn; tính hiệu quả của việc sử dụng vốn trong các dự án đầu tư và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Qua kiểm tra giám sát, Công ty đã kiện toàn công tác quản trị, kiểm soát các rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD cũng như đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

c) Kết quả giám sát hoạt động của Công ty năm 2019:

1. Giám sát hoạt động kinh doanh và tài chính:

Thông qua kết quả giám sát và kiểm toán báo cáo tài chính bởi Công ty kiểm toán độc lập A&C cho thấy Công ty CP Cảng Cát Lái đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông giao với các chỉ tiêu chính như sau:

a. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019:

| | Chỉ tiêu | BCTC Cty mẹ | BCTC hợp nhất |
|------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| 1. | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 635.877.679.997 | 698.453.783.500 |
| 1.1. | Tài sản ngắn hạn | 243.780.195.837 | 263.841.302.464 |
| 1.2. | Tài sản dài hạn | 392.097.484.160 | 434.612.481.036 |
| 2. | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 28.374.282.929 | 66.755.050.274 |
| 2.1. | Nợ phải trả | 607.503.397.068 | 631.698.733.226 |
| 2.2. | Nguồn vốn chủ sở hữu | 635.877.679.997 | 698.453.783.500 |

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

| | Chỉ tiêu | BCTC Cty mẹ | BCTC hợp nhất |
|------|--|------------------------|------------------------|
| 1. | TỔNG DOANH THU | 206.108.384.178 | 360.441.055.688 |
| 1.1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 194.025.349.838 | 350.194.092.278 |
| 1.2. | Doanh thu hoạt động tài chính | 11.878.171.177 | 9.993.009.338 |
| 1.3. | Thu nhập khác | 204.863.163 | 253.954.072 |
| 2. | TỔNG CHI PHÍ | 98.507.500.172 | 247.733.106.580 |
| 2.1. | Giá vốn hàng bán | 85.161.578.601 | 226.045.339.844 |

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | Chỉ tiêu | BCTC Cty mẹ | BCTC hợp nhất |
|------|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| 2.2. | Chi phí bán hàng | 396.636.364 | 396.636.364 |
| 2.3. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12.946.041.016 | 19.244.598.748 |
| 2.4. | Chi phí tài chính | - | 2.005.309.118 |
| 2.5. | Chi phí khác | 3.244.191 | 41.222.506 |
| 3. | TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | 107.600.884.006 | 112.707.949.108 |
| 4. | TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ | 86.343.195.463 | 90.041.259.117 |
| 5. | NỢP NGÂN SÁCH | 37.182.122.534 | 38.797.058.624 |

c. Một số chỉ tiêu tài chính (BCTC Công ty mẹ):

| | NỘI DUNG | DVT | TH 2018 | TH 2019 |
|----|---|-----|---------|---------|
| 1. | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 56,53% | 61,66% |
| | - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | | 43,47% | 38,34% |
| 2. | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 3,28% | 4,46% |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | | 96,72% | 95,54% |
| 3. | Khả năng thanh toán | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 11,45 | 6,26 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | | 13,25 | 8,59 |
| 4. | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 13,87% | 13,58% |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | | 14,34% | 14,21% |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | | 44,21% | 44,50% |

d. Giám sát hoạt động đầu tư:

Trong năm 2019, công ty đã tiến hành sửa chữa cầu tàu, bãi hàng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, công ty đã thực hiện đầu tư năm 2019: 103,3 tỷ đồng, đạt 79,38% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính do: Dự án nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 cảng Tân Cảng – Cát Lái mới thi công giai đoạn 1 trong tổng đầu tư, giai đoạn 2 dự kiến sẽ nghiệm thu và đưa vào khai thác trong tháng 5/2020.

2. Hoạt động quản trị điều hành:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty trong triển khai hoạt động kinh doanh. Toàn công ty từ hội đồng quản trị, ban điều hành đến CBNV đoàn kết nhất trí, quyết tâm triển khai và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được giao. Cụ thể:

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HDQT của Công ty bao gồm 06 thành viên, trong đó ông Nguyễn Phương Nam là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành 06 Nghị quyết, 10 Quyết định và thông qua 03 Tờ trình liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư cùng các vấn đề khác.

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; đã chỉ đạo Ban điều hành công ty triển khai và hoàn thành KHKD năm 2019:

- (1) Lợi nhuận trước thuế đạt 107,6 tỷ đồng, vượt kế hoạch 6,79%
- (2) Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2019 theo KH đề ra (22% VDL)
- (3) Chi trả tiền lương cho CBNV và thù lao, chi phí hoạt động, thưởng cho HDQT, Ban kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

b. Hoạt động của Ban Giám đốc:

Trên cơ sở chỉ đạo của HDQT, Ban Giám đốc đã nghiêm túc triển khai nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra; tổng tài sản đạt 635,8 tỷ.
- Công ty đã thực hiện tốt các khoản thuế phải nộp cho Nhà nước.
- Trong năm 2019, Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Các bộ phận của công ty hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ do Ban Giám đốc qui định.

Nhìn chung năm 2019, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giúp Công ty hoàn thành tốt kế hoạch SXKD đã đề ra.

3. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ công ty. Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát triển khai và hoàn thành đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ.

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được ghi nhận đầy đủ và cơ bản đã được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

d) Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Trên cơ sở quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát thống nhất kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2020 như sau:

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Tổ chức chỉ đạo các chương trình thẩm định báo cáo tài chính quý, năm; các quy chế quy định nội bộ nhằm kịp thời ngăn ngừa rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động của công ty.

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành theo quy định.

3. Giám sát giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Pháp luật.

c) Một số kiến nghị của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ngoài các kết quả đạt được trong năm 2019, Ban kiểm soát lưu ý một số nội dung cần tiếp tục tập trung thực hiện trong năm 2020 như:

(1) Tăng cường công tác quản trị các khoản đầu tư tài chính để hạn chế rủi ro.

(2) Tiếp tục nghiên cứu đầu tư có trọng điểm, phù hợp chiến lược phát triển của công ty để tăng năng lực sản xuất cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

(3) Tiếp tục theo dõi và xem xét các khoản nợ phải thu khó đòi.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| Stt | Họ tên | Chức danh | Tổng (đồng) |
|-----|--------------------|--|-------------|
| 1 | Nguyễn Đăng Nghiêm | CT. HĐQT từ tháng 7/2017 - 4/2018 | 48.825.852 |
| 2 | Bùi Sĩ Tuấn | CT. HĐQT từ tháng 4/2018 - 4/2019 | 186.477.561 |
| 3 | Nguyễn Phương Nam | CT. HĐQT từ tháng 4/2019 | 80.000.000 |
| 4 | Lê Thành Khoa | PCT. HĐQT | 315.303.414 |
| 5 | Nguyễn Châu Bảo | TV. độc lập HĐQT | 193.293.190 |
| 6 | Nguyễn Huỳnh Mai | TV. độc lập HĐQT | 193.293.190 |
| 7 | Lâm Văn Tuấn | TV. HĐQT kiêm GĐ từ tháng 7/2017 - 4/2019 | 587.838.794 |
| 8 | Lê Thanh Sơn | TV. HĐQT kiêm KTT từ tháng 7/2017 - 4/2019 KTT từ 4-11/2019 | 955.236.509 |
| 9 | Nguyễn Đình Thi | PGĐ từ tháng 7/2017 - 4/2019 | 253.700.866 |
| 10 | Lê Chí Đăng | TV. HĐQT kiêm GĐ từ tháng 4/2019 | 852.177.632 |
| 11 | Phạm Hiếu Đạo | TV. HĐQT kiêm PGĐ từ tháng 4/2019 | 630.937.800 |
| 12 | Nguyễn Viết Trường | KTT từ tháng 12/2019 | 44.337.060 |
| 13 | Vũ Thị Lan Anh | Trưởng BKS từ tháng 8/2007 - 4/2019 | 104.944.227 |
| 14 | Đỗ Thanh Thành | KSV từ tháng 4/2018 - 4/2019 Trưởng BKS từ tháng 4/2019 | 113.744.649 |

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | | | |
|----|---------------------|---------------------|---------------|
| 15 | Nguyễn Q. Phước Sơn | KSV | 128.326.198 |
| 16 | Nguyễn Xuân Vinh | KSV từ tháng 4/2019 | 36.000.000 |
| | Tổng cộng Thực hiện | | 4.724.436.942 |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với Công ty | Nội dung giao dịch |
|-----|--|--|--|
| 1 | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Tổ chức mà ông Nguyễn Phương Nam – Chủ tịch HĐQT là Giám đốc Trung tâm điều độ cảng. Tổ chức mà ông Nguyễn Xuân Vinh – KSV là Kế toán trưởng. | Công ty cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ, chò thuê thiết bị cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Công ty thuê văn phòng, dịch vụ khám sức khỏe của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |
| 2 | Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | Tổ chức mà Ông Phạm Hiếu Đạo - Phó Giám đốc là Chủ tịch HĐQT. Tổ chức mà Ông Nguyễn Viết Trường – Kế toán trưởng là Trưởng Ban kiểm soát. | Công ty thuê 02 cầu RTG 6+1 của Công ty CP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái. Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn về tài chính - kế toán cho Công ty CP TVQT Cảng Cát Lái. |
| 3 | Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV | Tổ chức mà Bà Nguyễn Huỳnh Mai – Thành viên HĐQT độc lập là Giám đốc P. KHĐT | Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng kho bãi với Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV. |
| 4 | Công ty Cổ phần Du lịch TNXP | Tổ chức mà ông Lê Thành Khoa – Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Tổ chức mà ông Nguyễn Quang Phước Sơn – KSV là Giám đốc | Công ty ký hợp đồng du lịch với Công ty Cổ phần Du lịch TNXP. |

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chấp hành và thực hiện các quy định về quản trị theo quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Tài liệu đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Tài liệu đính kèm.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái của Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C, gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc.
- Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái của Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C, gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc.
- Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK TP.HCM;
- Đăng website Công ty;
- Lưu: TK HĐQT; Th03.



Lê Chí Đăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 14 - 38 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 09 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 vào ngày 07 tháng 5 năm 2019 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ vệ sinh tàu biển, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ logistics, hoạt động giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh khai thác cảng biển ;
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Mua bán các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe cầu, xe nâng hàng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, xe siêu trường, siêu trọng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi, kể cả hoạt động của taxi sân bay;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Phương Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thành Khoa | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Lê Chí Đăng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Phạm Hiếu Đạo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Châu Bảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Nguyễn Huỳnh Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thanh Sơn | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đỗ Thanh Thành | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019 |
| Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Xuân Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Quang Phước Sơn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Lê Chí Đăng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Phạm Hiếu Đạo | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Đình Thi | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thanh Sơn | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Việt Trường | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------|----------|-------------------------------------|
| Ông Lê Chí Đăng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÀI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Chí Đăng

Ngày 21 tháng 2 năm 2020



| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 05A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0053/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 2 năm 2020, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 243.780.195.837 | 270.334.123.564 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 48.643.715.929 | 233.505.125.671 |
| 1. Tiền | 111 | | 48.643.715.929 | 5.505.125.671 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 228.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 129.000.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 129.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 59.788.235.965 | 31.041.505.179 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 56.087.509.969 | 27.151.228.359 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 10.370.818 | 368.949.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 4.430.337.335 | 4.202.798.980 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (739.982.157) | (681.471.160) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 152.900.000 | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 152.900.000 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.195.343.943 | 5.787.492.714 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 6.029.780.245 | 5.787.492.714 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 165.563.698 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 392.097.484.160 | 351.587.456.253 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 30.951.314.508 | 41.222.978.348 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 30.814.991.508 | 41.086.655.348 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 136.323.000 | 136.323.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 239.208.658.415 | 267.184.925.905 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 178.255.094.312 | 204.606.713.722 |
| Nguyên giá | 222 | | 492.553.447.868 | 486.770.260.736 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (314.298.353.556) | (282.163.547.014) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 60.953.564.103 | 62.578.212.183 |
| Nguyên giá | 228 | | 79.512.404.441 | 79.512.404.441 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (18.558.840.338) | (16.934.192.258) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.10 | 22.453.511.237 | 21.920.000.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 22.453.511.237 | 21.920.000.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 99.484.000.000 | 21.258.600.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 19.000.000.000 | 19.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 78.225.400.000 | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 2.258.600.000 | 2.258.600.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 952.000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 952.000 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 635.877.679.997 | 621.921.579.817 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 28.374.282.929 | 20.395.064.470 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 28.374.282.929 | 20.395.064.470 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 12.111.692.256 | 2.080.093.903 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 4.032.892.809 | 4.889.859.384 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.832.611.377 | 4.073.001.897 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 3.210.027.762 | 3.367.300.289 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 6.187.058.725 | 5.984.808.997 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 607.503.397.068 | 601.526.515.347 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 607.503.397.068 | 601.526.515.347 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 340.000.000.000 | 340.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 340.000.000.000 | 340.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 60.123.448.000 | 60.123.448.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 101.852.596.289 | 101.852.596.289 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 105.527.352.779 | 99.550.471.058 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 24.364.749.044 | 99.550.471.058 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 81.162.603.735 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 635.877.679.997 | 621.921.579.817 |

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Trường

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2020



Lê Chi Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 194.025.349.838 | 195.153.217.113 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 194.025.349.838 | 195.153.217.113 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 85.161.578.601 | 79.800.896.325 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 108.863.771.237 | 115.352.320.788 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 11.878.171.177 | 6.567.593.404 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4 | 396.636.364 | 163.636.364 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 12.946.041.016 | 13.472.775.244 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 107.399.265.034 | 108.283.502.584 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 204.863.163 | 1 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 3.244.191 | 419.375.530 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 201.618.972 | (419.375.529) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 107.600.884.006 | 107.864.127.055 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 21.257.688.543 | 21.592.646.965 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 86.343.195.463 | 86.271.480.090 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | - | - |

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu


 Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


 Nguyễn Viết Trường

Giám đốc



 Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|--------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 107.600.884.006 | 107.864.127.055 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8,9 | 33.759.454.622 | 34.140.556.577 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 58.510.997 | 236.293.458 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (11.878.171.177) | (6.566.583.301) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 129.540.678.448 | 135.674.393.789 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (16.019.803.286) | 23.757.421.756 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (152.900.000) | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 4.058.969.422 | (7.464.666.037) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (241.335.531) | 1.347.148.211 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.12 | (18.414.249.434) | (21.233.108.154) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.14 | (5.364.064.014) | (3.463.280.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 93.407.295.605 | 128.617.909.565 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (6.316.698.369) | (21.920.000.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 54.545.455 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (129.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 111.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (78.225.400.000) | (12.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 9.198.832.822 | 7.649.050.213 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (204.343.265.547) | 84.783.595.668 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

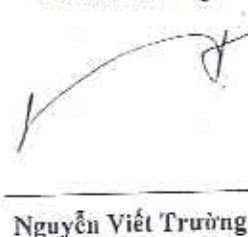
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|--------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (73.925.439.800) | (67.949.563.800) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(73.925.439.800)</i> | <i>(67.949.563.800)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> | <i>50</i> | <i>(184.861.409.742)</i> | <i>145.451.941.433</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | <i>60 V.1</i> | <i>233.505.125.671</i> | <i>88.053.184.238</i> |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | <i>61</i> | - | - |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i> | <i>70 V.1</i> | <i>48.643.715.929</i> | <i>233.505.125.671</i> |

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Trường

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Giám đốc




Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế, kinh doanh khai thác cảng biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 36 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 38 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập

Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thay thế đệm và cầu tàu, chi phí thuê cầu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí thuê cầu

Tiền thuê cầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định (tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng). Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-------------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) | 3 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |
| Tài sản cố định khác | 3 |

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 51.341.710 | 58.411.036 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 48.592.374.219 | 5.446.714.635 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | - | 228.000.000.000 |
| Cộng | 48.643.715.929 | 233.505.125.671 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| <i>Đầu tư vào công ty con</i> | <i>19.000.000.000</i> | <i>-</i> | <i>19.000.000.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾ | 19.000.000.000 | - | 19.000.000.000 | - |
| <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> | <i>78.225.400.000</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾ | 78.225.400.000 | - | - | - |
| <i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i> | <i>2.258.600.000</i> | <i>-</i> | <i>2.258.600.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 2.258.600.000 | - | 2.258.600.000 | - |
| Cộng | 99.484.000.000 | - | 21.258.600.000 | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313341745 thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái 19.000.000.000 VND, tương đương 54,29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(ii) Theo đăng ký kinh doanh 230102818 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 5 năm 2019, Công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| <i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái</i> | | |
| Góp vốn | - | 12.000.000.000 |
| Sử dụng dịch vụ | 10.940.000.000 | 11.400.000.000 |
| Nhận cổ tức được chia | 1.900.000.000 | 560.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ tư vấn đã cung cấp | 100.000.000 | 20.000.000 |

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>54.910.041.659</i> | <i>25.892.306.293</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 32.403.051.619 | 7.881.980.093 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 22.506.990.040 | 18.010.326.200 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>1.177.468.310</i> | <i>1.258.922.066</i> |
| Cộng | 56.087.509.969 | 27.151.228.359 |

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu theo Hợp đồng 3112.01/HD-CLL và Hợp đồng 3112.02/HD-CLL, ngày 31/12/2017, Công ty bán tài sản cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái với tổng số tiền là 55.358.319.188 VND. Số tiền phải thanh toán trong năm 2018 là 4.000.000.000 VND, số còn lại thanh toán đều hàng năm, từ năm 2019 đến năm 2023, với tổng số tiền là 51.358.319.188 VND với lãi suất trả chậm là 5% tính trên số dư nợ giảm dần.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Unico Vina | - | 358.600.000 |
| Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh | 10.349.000 | 10.349.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 21.818 | - |
| Cộng | 10.370.818 | 368.949.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 4.430.337.335 | | 4.202.798.980 | |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu | 3.984.328.768 | - | 1.304.990.413 | - |
| Tạm ứng | - | - | 35.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kho bãi và Logistics Long Thành - thu hồi vốn hợp tác kinh doanh | - | - | 2.320.000.000 | - |
| Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng | 428.450.000 | - | 525.250.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 17.558.567 | - | 17.558.567 | - |
| Cộng | 4.430.337.335 | | 4.202.798.980 | |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|--------------------|--------------------|------------------------|--------------------|--------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Tuần Lộc Quảng Trị | Trên 3 năm | 536.549.860 | - | Trên 3 năm | 536.549.860 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng | Trên 3 năm | 49.186.500 | - | Từ 2 năm đến 3 năm | 49.186.500 | 14.755.950 |
| Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành | Trên 3 năm | 44.999.550 | - | Trên 3 năm | 44.999.550 | - |
| CBF Coffee | Từ 2 năm đến 3 năm | 130.982.400 | 39.294.720 | Từ 1 năm đến 2 năm | 130.982.400 | 65.491.200 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn Mỹ | Trên 3 năm | 17.558.567 | - | | | |
| Cộng | | 779.276.877 | 39.294.720 | | 761.718.310 | 80.247.150 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 681.471.160 | 445.177.702 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 58.510.997 | 236.293.458 |
| Số cuối năm | 739.982.157 | 681.471.160 |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm phương tiện | 114.395.111 | 87.492.714 |
| Chi phí thi công dự án nâng cấp bãi | 5.915.385.134 | - |
| Chi phí thuê cầu RTG | - | 5.700.000.000 |
| Cộng | 6.029.780.245 | 5.787.492.714 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | 167.039.578.765 | 318.808.281.426 | 867.000.000 | 55.400.545 | 486.770.260.736 |
| Số đầu năm | - | - | 1.229.372.727 | - | 1.229.372.727 |
| Mua trong năm | 4.553.814.405 | - | - | - | 4.553.814.405 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 171.593.393.170 | 318.808.281.426 | 2.096.372.727 | 55.400.545 | 492.553.447.868 |
| Số cuối năm | | | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 13.565.399.783 | 6.953.812.021 | 867.000.000 | 55.400.545 | 21.441.612.349 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 87.081.144.778 | 194.160.001.691 | 867.000.000 | 55.400.545 | 282.163.547.014 |
| Khấu hao trong năm | 5.003.428.094 | 27.131.378.448 | - | - | 32.134.806.542 |
| Số cuối năm | 92.084.572.872 | 221.291.380.139 | 867.000.000 | 55.400.545 | 314.298.353.556 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 79.958.433.987 | 124.648.279.735 | - | - | 204.606.713.722 |
| Số cuối năm | 79.508.820.298 | 97.516.901.287 | 1.229.372.727 | - | 178.255.094.312 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 79.232.404.441 | 280.000.000 | 79.512.404.441 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>79.232.404.441</u> | <u>280.000.000</u> | <u>79.512.404.441</u> |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 16.770.858.929 | 163.333.329 | 16.934.192.258 |
| Khấu hao trong năm | 1.584.648.084 | 39.999.996 | 1.624.648.080 |
| Số cuối năm | <u>18.355.507.013</u> | <u>203.333.325</u> | <u>18.558.840.338</u> |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 62.461.545.512 | 116.666.671 | 62.578.212.183 |
| Số cuối năm | <u>60.876.897.428</u> | <u>76.666.675</u> | <u>60.953.564.103</u> |
| Trong đó: | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển giảm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định ⁽¹⁾ | 21.920.000.000 | - | - | 21.920.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 5.087.325.642 | (4.553.814.405) | 533.511.237 |
| Hạng mục giai đoạn 1 nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 | - | 4.553.814.405 | (4.553.814.405) | - |
| Hạng mục giai đoạn 2 nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 | - | 533.511.237 | - | 533.511.237 |
| Cộng | <u>21.920.000.000</u> | <u>5.087.325.642</u> | <u>(4.553.814.405)</u> | <u>22.453.511.237</u> |

- ⁽¹⁾ Trong năm 2018, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đinh Toàn Mỹ và bà Lê Thị Khánh Vân, theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, giá trị 21.920.000.000 VND. Công ty đã thanh toán toàn bộ cho bên bán, tuy nhiên, tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa được hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>9.612.432.319</i> | <i>1.239.199.068</i> |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 3.255.640 | 32.493.224 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 1.492.893.945 | 1.206.705.844 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một | 7.257.653.534 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui | 858.629.200 | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>2.499.259.937</i> | <i>840.894.835</i> |
| Cộng | 12.111.692.256 | 2.080.093.903 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|----------------------|----------|------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.774.343.910 | - | 13.711.455.206 | (17.651.384.632) | - | 165.585.516 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 996.395.399 | - | 21.257.688.543 | (18.414.249.434) | 3.839.834.508 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 119.120.075 | - | 1.762.463.995 | (1.688.525.769) | 193.058.301 | - |
| Tiền thuê đất | - | - | 447.514.790 | (447.514.790) | - | - |
| Thuế môn bài | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Cộng | 4.889.859.384 | - | 37.182.122.534 | (38.204.674.625) | 4.032.892.809 | 165.585.516 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 107.600.884.006 | 107.864.127.055 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 587.558.708 | 658.293.458 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 587.558.708 | 658.293.458 |
| Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành | 552.000.000 | 422.000.000 |
| Chi phí không hợp lệ | 35.558.708 | 237.107.772 |
| Thu nhập chịu thuế | 108.188.442.714 | 108.523.234.827 |
| Thu nhập được miễn thuế | (1.900.000.000) | (560.000.000) |
| Thu nhập tính thuế | 106.288.442.714 | 107.963.234.827 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 21.257.688.543 | 21.592.646.965 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 1.583.907 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thu chi hộ | - | 1.583.907 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 3.210.027.762 | 3.365.624.658 |
| Kinh phí công đoàn | 42.559.557 | - |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 6.548.730 | 2.642.306 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 375.750.000 | 589.750.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 2.785.169.475 | 1.910.609.275 |
| Quỹ hoạt động của Ban điều hành | - | 862.623.077 |
| Cộng | 3.210.027.762 | 3.367.208.565 |

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 2.836.297.833 | 3.022.011.841 | (2.600.000.000) | 3.258.584.847 |
| Quỹ phúc lợi | 3.143.192.661 | 1.295.147.932 | (2.378.342.000) | 2.060.182.042 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 4.859.881 | 1.249.153.969 | (385.722.014) | 868.291.836 |
| Cộng | 5.984.808.997 | 5.566.313.742 | (5.364.064.014) | 6.187.058.725 |

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 88.911.874.275 | 101.066.350.070 | 590.101.672.345 |
| Lợi nhuận năm trước | - | - | - | 86.271.480.090 | 86.271.480.090 |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay | - | - | 12.940.722.014 | (17.254.296.019) | (4.313.574.005) |
| Trích quỹ hoạt động Ban điều hành trong năm trước | - | - | - | (2.533.063.083) | (2.533.063.083) |
| Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm trước | - | - | - | (68.000.000.000) | (68.000.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 101.852.596.289 | 99.550.471.058 | 601.526.515.347 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 101.852.596.289 | 99.550.471.058 | 601.526.515.347 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 86.343.195.463 | 86.343.195.463 |
| Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm trước | - | - | - | (74.800.000.000) | (74.800.000.000) |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay | - | - | - | (4.317.159.773) | (4.317.159.773) |
| Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước | - | - | - | (385.722.014) | (385.722.014) |
| Trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm nay | - | - | - | (863.431.955) | (863.431.955) |
| Số dư cuối năm nay | <u>340.000.000.000</u> | <u>60.123.448.000</u> | <u>101.852.596.289</u> | <u>105.527.352.779</u> | <u>607.503.397.068</u> |

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 162.149.200.000 | 162.149.200.000 |
| Trong đó: | | |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 87.161.700.000 | 87.161.700.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thành niên xung phong | 74.987.500.000 | 74.987.500.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 177.850.800.000 | 177.850.800.000 |
| Cộng | <u>340.000.000.000</u> | <u>340.000.000.000</u> |

15c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 34.000.000 | 34.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 34.000.000 | 34.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 34.000.000 | 34.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 11/NQ-ĐHĐCD/CLL ngày 19 tháng 4 năm 2019 như sau:

| Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 | VND |
|---|------------------|
| • Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | : 385.722.014 |
| • Chia cổ tức | : 74.800.000.000 |
| Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 | |
| • Trích quỹ khen thưởng | : 3.022.011.841 |
| • Trích quỹ phúc lợi | : 1.295.147.932 |
| • Trích quỹ hoạt động Ban điều hành | : 863.431.955 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển | 143.500.000.000 | 141.250.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ | 30.780.000.000 | 32.400.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 19.745.349.838 | 21.503.217.113 |
| Cộng | 194.025.349.838 | 195.153.217.113 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho công ty con, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển | 143.500.000.000 | 141.250.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ | 30.780.000.000 | 32.400.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 16.489.203.453 | 14.684.892.385 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Giá vốn của dịch vụ cho thuê cảng biển | 42.740.249.332 | 31.921.311.933 |
| Giá vốn của dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ | 24.553.171.519 | 24.587.719.208 |
| Giá vốn của dịch vụ khác | 17.868.157.750 | 23.291.865.184 |
| Cộng | 85.161.578.601 | 79.800.896.325 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------|---------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 9.978.171.177 | 6.007.593.404 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.900.000.000 | 560.000.000 |
| Cộng | 11.878.171.177 | 6.567.593.404 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

Là chi phí dịch vụ mua ngoài.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 7.678.353.980 | 8.395.702.874 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 62.629.179 | 72.343.140 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 258.166.009 | 298.916.820 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 39.999.996 | 174.483.333 |
| Thuế, phí và lệ phí | 75.948.890 | 9.442.182 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 58.510.997 | 236.293.458 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.242.316.489 | 1.645.955.280 |
| Các chi phí khác | 3.530.115.476 | 2.639.638.157 |
| Cộng | 12.946.041.016 | 13.472.775.244 |

6. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|--------------------|-----------|
| Tiền bồi thường | 204.863.163 | - |
| Thu nhập khác | - | 1 |
| Cộng | 204.863.163 | 1 |

7. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|--------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 1.010.103 |
| Chi phí sửa chữa cầu RTG G70 do bị sét đánh | - | 417.551.100 |
| Chi phí khác | 3.244.191 | 814.327 |
| Cộng | 3.244.191 | 419.375.530 |

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 62.629.179 | 72.343.140 |
| Chi phí nhân công | 12.471.711.375 | 13.833.515.934 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 33.759.454.622 | 34.140.556.577 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 37.964.964.699 | 33.856.951.852 |
| Chi phí khác | 14.245.496.106 | 11.533.940.430 |
| Cộng | 98.504.255.981 | 93.437.307.933 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 2.146.541.435 | 2.265.222.656 |
| Chi quỹ hoạt động, khen thưởng ban điều hành | 1.248.436.815 | 1.670.348.282 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 696.000.000 | 518.000.000 |
| Cộng | <u>4.090.978.250</u> | <u>4.453.570.938</u> |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong

Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quốc Vĩ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập

Công ty con

Công ty liên kết

Bên liên quan của cổ
đồng sáng lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Chi trả cổ tức | 19.175.574.000 | 17.432.340.000 |
| Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ | 169.078.521 | 87.731.451 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | | |
| Chi trả cổ tức | 2.722.500.000 | 2.475.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong | | |
| Chi trả cổ tức | 16.497.250.000 | 14.997.500.000 |
| Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ | - | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | | |
| Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ | 3.226.008.875 | 3.944.147.939 |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | | |
| Chi phí sử dụng dịch vụ | 2.800.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một | | |
| Phí thi công dự án nâng cấp bãi | 17.746.155.402 | - |
| Phí thi công tuyến cống hộp | 4.553.814.405 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | | |
| Chi phí sử dụng dịch vụ | 10.940.000.000 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.10 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực dịch vụ vận tải
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê cảng biển | Lĩnh vực dịch vụ vận tải | Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 143.500.000.000 | - | 30.780.000.000 | 19.745.349.838 | 194.025.349.838 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 143.500.000.000 | | 30.780.000.000 | 19.745.349.838 | 194.025.349.838 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 100.759.750.668 | - | 6.226.828.481 | 1.877.192.088 | 108.863.771.237 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (13.342.677.380) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 95.521.093.857 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 11.878.171.177 |
| Chi phí tài chính | | | | | - |
| Thu nhập khác | | | | | 204.863.163 |
| Chi phí khác | | | | | (3.244.191) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (21.257.688.543) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 86.343.195.463 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 4.553.814.405 | - | - | - | 4.553.814.405 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 25.273.770.542 | - | 12.561.036.000 | - | 37.834.806.542 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Lĩnh vực cho thuê cảng biển | Lĩnh vực dịch vụ vận tải | Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 141.250.000.000 | - | 32.400.000.000 | 21.503.217.113 | 195.153.217.113 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 141.250.000.000 | | 32.400.000.000 | 21.503.217.113 | 195.153.217.113 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 109.328.688.067 | - | 7.812.280.792 | (1.788.648.071) | 115.352.320.788 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (13.636.411.608) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 101.715.909.180 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 6.567.593.404 |
| Chi phí tài chính | | | | | - |
| Thu nhập khác | | | | | 1 |
| Chi phí khác | | | | | (419.375.530) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (21.592.646.965) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 86.271.480.090 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | - | 21.920.000.000 | 21.920.000.000 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 25.691.396.947 | | 8.395.864.184 | 174.483.333 | 34.261.744.464 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: | Lĩnh vực cho thuê cảng biển | Lĩnh vực dịch vụ vận tải | Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 171.297.114.097 | 53.321.981.548 | 103.159.901.287 | 2.297.551.617 | 330.076.548.549 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 305.801.131.448 |
| Tổng tài sản | - | - | - | - | 635.877.679.997 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 7.257.653.534 | - | 2.351.523.145 | 2.599.315.577 | 12.111.692.256 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 16.262.590.673 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | - | 28.374.282.929 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 223.912.861.278 | 59.096.981.548 | 56.737.378.049 | 1.258.922.066 | 341.006.142.941 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 280.915.436.876 |
| Tổng tài sản | - | - | - | - | 621.921.579.817 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 32.493.224 | - | 1.206.705.844 | 840.894.835 | 2.080.093.903 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 18.314.970.567 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | - | 20.395.064.470 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Viết Trường

Giám đốc

Lê Chí Đăng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 14 - 43 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Công ty và các công ty con”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 09 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 vào ngày 07 tháng 5 năm 2019 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ vệ sinh tàu biển, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ logistics, hoạt động giao nhận hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Mua bán các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe cầu, xe nâng hàng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, xe siêu trường, siêu trọng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi, kể cả hoạt động của taxi sân bay;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Phương Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thành Khoa | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Lê Chí Đăng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Phạm Hiếu Đạo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Châu Bảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Nguyễn Huỳnh Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thanh Sơn | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đỗ Thanh Thành | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019 |
| Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Xuân Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Quang Phước Sơn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Lê Chí Đăng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Phạm Hiếu Đạo | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Đình Thi | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thanh Sơn | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Việt Trường | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------|----------|-------------------------------------|
| Ông Lê Chí Đăng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lâm Văn Tuấn | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÀI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Chí Đăng

Ngày 21 tháng 2 năm 2020

| | | |
|---------------------|---|-------------------|
| Head Office | 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | ktiv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | ktv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | Lê Thị Ngọc A, Lê Hồng Thuyết II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | ktv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | ktv.ct@a-c.com.vn |

SỐ: 2.0054/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Càng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Công ty và công ty con"), được lập ngày 21 tháng 2 năm 2020, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 263.841.302.464 | 303.609.087.530 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 53.410.102.577 | 235.143.548.545 |
| 1. Tiền | 111 | | 53.262.682.577 | 7.143.548.545 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 147.420.000 | 228.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 129.000.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 129.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 66.566.989.145 | 58.049.997.107 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 60.256.851.884 | 51.298.865.747 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 47.934.718 | 441.501.274 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 7.122.665.088 | 7.045.653.118 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (860.462.545) | (736.023.032) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 295.643.222 | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 295.643.222 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 14.568.567.520 | 10.415.541.878 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 6.835.100.216 | 1.124.033.086 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 7.567.903.606 | 9.291.508.792 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 165.563.698 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 434.612.481.036 | 400.084.837.836 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 902.923.000 | 1.393.323.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 902.923.000 | 1.393.323.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 326.147.045.539 | 368.482.736.251 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 265.143.898.106 | 305.904.524.068 |
| Nguyên giá | 222 | | 622.615.518.718 | 616.832.331.586 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (357.471.620.612) | (310.927.807.518) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 61.003.147.433 | 62.578.212.183 |
| Nguyên giá | 228 | | 79.571.904.441 | 79.512.404.441 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (18.568.757.008) | (16.934.192.258) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.11 | 22.453.511.237 | 21.920.000.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 22.453.511.237 | 21.920.000.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 80.709.870.438 | 2.258.600.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 78.451.270.438 | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 2.258.600.000 | 2.258.600.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.399.130.822 | 6.030.178.585 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 4.399.130.822 | 6.030.178.585 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 698.453.783.500 | 703.693.925.366 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 66.755.050.274 | 79.738.888.752 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 62.968.930.802 | 66.790.979.905 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 25.314.000.515 | 28.226.171.295 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 4.467.645.577 | 5.426.625.645 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 5.150.705.314 | 6.110.048.719 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 14.500.000 | 457.463.246 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 4.420.847.257 | 4.846.950.664 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a | 16.792.381.709 | 15.446.178.835 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 6.808.850.430 | 6.277.541.501 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.786.119.472 | 12.947.908.847 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 2.399.119.472 | 2.948.108.847 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b | 1.387.000.000 | 9.999.800.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

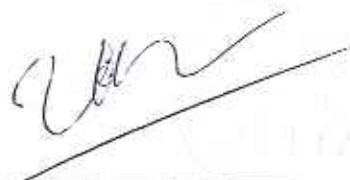
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 631.698.733.226 | 623.955.036.614 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 631.698.733.226 | 623.955.036.614 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 340.000.000.000 | 340.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 340.000.000.000 | 340.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 60.123.448.000 | 60.123.448.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 102.831.895.581 | 102.075.886.666 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 109.100.205.315 | 102.816.949.369 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 26.572.814.873 | 102.816.949.369 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 82.527.390.442 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 19.643.184.330 | 18.938.752.579 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 698.453.783.500 | 703.693.925.366 |


Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Võ Thái Hậu


 Nguyễn Viết Trường


 Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 350.194.092.278 | 378.435.694.351 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 350.194.092.278 | 378.435.694.351 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 226.045.399.844 | 247.497.346.604 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 124.148.692.434 | 130.938.347.747 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 9.993.009.338 | 6.642.741.753 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.005.309.118 | 2.747.936.170 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.998.786.967 | 2.725.882.273 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 225.870.438 | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 396.636.364 | 163.636.364 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 19.244.598.748 | 19.395.714.686 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 112.721.027.980 | 115.273.802.280 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 253.954.072 | 85.200.800 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 41.222.506 | 498.272.999 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 212.731.566 | (413.072.199) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 112.933.759.546 | 114.860.730.081 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 22.666.689.991 | 23.018.657.982 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 90.267.069.555 | 91.842.072.099 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 87.707.982.170 | 89.295.515.752 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 2.559.087.385 | 2.546.556.347 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 2.427 | 2.474 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 2.427 | 2.474 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Thái Hậu



Nguyễn Việt Trường



Giám đốc

Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|--------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 112.933.759.546 | 114.701.818.150 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 VI.10 | 48.178.377.844 | 48.564.484.039 |
| - Các khoản dự phòng | 03 VI.6 | 124.439.513 | 214.409.570 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.4 | 23.821 | 5.186.190 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (9.988.220.457) | (6.573.073.450) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 1.998.786.967 | 2.725.882.273 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 153.247.167.234 | 159.638.706.772 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (3.913.675.529) | 27.232.019.293 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (295.643.222) | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (10.048.457.740) | 23.005.332.931 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (4.080.019.367) | (18.618.746) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.998.786.967) | (2.725.882.273) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.13 | (19.967.213.170) | (22.414.846.610) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 V.17 | (5.592.064.014) | (3.463.280.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 107.351.307.225 | 181.253.431.367 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (6.376.198.369) | (73.924.887.102) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 145.454.546 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (129.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 111.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 V.2b | (78.225.400.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 7.308.882.102 | 7.657.140.917 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (206.292.716.267) | 44.877.708.361 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.16 | 26.420.939.109 | 28.628.663.749 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.16 | (33.687.536.235) | (39.715.194.399) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (75.525.439.800) | (67.949.563.800) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(82.792.036.926)</i> | <i>(79.036.094.450)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> | <i>50</i> | | <i>(181.733.445.968)</i> | <i>147.095.045.278</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | <i>60</i> | V.1 | <i>235.143.548.545</i> | <i>88.053.184.238</i> |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | <i>61</i> | | <i>-</i> | <i>(4.680.971)</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i> | <i>70</i> | V.1 | <i>53.410.102.577</i> | <i>235.143.548.545</i> |

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có 128 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 133 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thay thế điện và cầu tàu, chi phí thuê cầu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-------------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) | 3 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |
| Tài sản cố định khác | 3 |

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

THH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 121.474.523 | 164.712.400 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 53.141.208.054 | 6.978.836.145 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 147.420.000 | 228.000.000.000 |
| Cộng | 53.410.102.577 | 235.143.548.545 |

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Số dư đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Giá gốc | 78.225.400.000 | - |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | 225.870.438 | - |
| Cộng | 78.451.270.438 | - |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 230102818 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 5 năm 2019, công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ tương ứng với 20% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con tại công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-----------------------|------------------|
| Số đầu năm | - | - |
| Góp vốn | 78.225.400.000 | - |
| Phản lãi hoặc lỗ | 225.870.438 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | - |
| Số cuối năm | 78.451.270.438 | - |

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch mua cổ phần tại công ty liên kết với số tiền là 78.225.400.000 VND.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 2.258.600.000 | - | 2.258.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh | 2.258.600.000 | - | 2.258.600.000 | - |
| Cộng | 80.709.870.438 | - | 2.258.600.000 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>52.038.426.824</i> | <i>38.696.207.470</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 52.038.426.824 | 36.918.197.470 |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình | - | 1.751.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đà Nẵng | - | 27.010.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>8.218.425.060</i> | <i>12.602.658.277</i> |
| Công ty Cao su Hữu Nghị Lào - Việt (LVF) | 442.750.000 | 1.904.175.000 |
| Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng | 1.471.964.687 | - |
| Các khách hàng khác | 6.303.710.373 | 10.698.483.277 |
| Cộng | 60.256.851.884 | 51.298.865.747 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Unico Vina | - | 358.600.000 |
| Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh | 10.349.000 | 10.349.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 37.585.718 | 72.552.274 |
| Cộng | 47.934.718 | 441.501.274 |

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>566.712.807</i> | <i>-</i> | <i>102.239.383</i> | <i>-</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 564.544.292 | - | 65.672.162 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đà Nẵng | - | - | 1.000.000 | - |
| Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh | - | - | 2.730.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | 768.515 | - | 27.702.220 | - |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 1.400.000 | - | 1.630.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | - | - | 3.505.001 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>6.555.952.281</i> | <i>-</i> | <i>6.943.413.735</i> | <i>-</i> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu | 3.984.328.768 | - | 1.304.990.413 | - |
| Tạm ứng | 1.798.668.271 | - | 2.416.467.185 | - |
| Công ty Cổ phần Kho bãi và Logistics Long Thành - thu hồi vốn hợp tác kinh doanh | - | - | 2.320.000.000 | - |
| Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn | 428.450.000 | - | 525.250.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cái Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| tiền đặt cọc hợp tác kinh doanh | | | | |
| Các khoản chi hộ | 206.075.787 | - | 321.723.713 | - |
| Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai | - | - | 25.944.869 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 138.429.455 | - | 29.037.555 | - |
| Cộng | 7.122.665.088 | - | 7.045.653.118 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|--------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Tuần Lộc Quảng Trị | Trên 3 năm | 570.889.660 | - | Trên 3 năm | 570.889.660 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng | Trên 3 năm | 68.775.300 | - | Từ 2 năm đến 3 năm | 68.775.300 | 20.632.590 |
| Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành | Trên 3 năm | 44.999.550 | - | Trên 3 năm | 44.999.550 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn Mỹ | Trên 3 năm | 17.558.567 | - | - | - | - |
| Công ty CBF COFFEE | Từ 2 năm đến 3 năm | 130.982.400 | 39.294.720 | Từ 1 năm đến 2 năm | 130.982.400 | 65.491.200 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Tân Cảng | Từ 1 năm đến 2 năm | 133.103.575 | 66.551.787 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | - | - | - | Từ 1 năm đến 2 năm | 12.999.823 | 6.499.911 |
| Cộng | | 966.309.052 | 105.846.507 | | 828.646.733 | 92.623.701 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 736.023.032 | 445.177.702 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 130.939.425 | 214.409.570 |
| Tăng do hợp nhất | - | 76.435.760 |
| Hoàn nhập dự phòng | (6.499.912) | - |
| Số cuối năm | 860.462.545 | 736.023.032 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|--------------------|----------|------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 142.743.222 | - | - | - |
| Công cụ, dụng cụ | 152.900.000 | - | - | - |
| Cộng | 295.643.222 | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | - | 3.469.891 |
| Chi phí bảo hiểm | 408.708.218 | 514.800.944 |
| Chi phí thi công dự án nâng cấp bãi | 5.915.385.134 | - |
| Phí sử dụng đường bộ | 482.510.744 | 571.488.099 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 28.496.120 | 34.274.152 |
| Cộng | <u>6.835.100.216</u> | <u>1.124.033.086</u> |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 4.399.130.822 | 6.029.226.585 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | - | 952.000 |
| Cộng | <u>4.399.130.822</u> | <u>6.030.178.585</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 167.039.578.765 | 358.931.751.426 | 90.805.600.850 | 55.400.545 | 616.832.331.586 |
| Mua trong năm | - | - | 1.229.372.727 | - | 1.229.372.727 |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành | 4.553.814.405 | - | - | - | 4.553.814.405 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 171.593.393.170 | 358.931.751.426 | 92.034.973.577 | 55.400.545 | 622.615.518.718 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 13.565.399.783 | 6.953.812.021 | 867.000.000 | 55.400.545 | 21.441.612.349 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 87.081.144.778 | 203.867.570.016 | 19.923.692.179 | 55.400.545 | 310.927.807.518 |
| Khấu hao trong năm | 5.003.428.094 | 31.372.535.112 | 10.167.849.888 | - | 46.543.813.094 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 92.084.572.872 | 235.240.105.128 | 30.091.542.067 | 55.400.545 | 357.471.620.612 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 79.958.433.987 | 155.064.181.410 | 70.881.908.671 | - | 305.904.524.068 |
| Số cuối năm | 79.508.820.298 | 123.691.646.298 | 61.943.431.510 | - | 265.143.898.106 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 44.017.287.857 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 79.232.404.441 | 280.000.000 | 79.512.404.441 |
| Tăng trong năm | - | 59.500.000 | 59.500.000 |
| Số cuối năm | 79.232.404.441 | 339.500.000 | 79.571.904.441 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 16.770.858.929 | 163.333.329 | 16.934.192.258 |
| Khấu hao trong năm | 1.584.648.084 | 49.916.666 | 1.634.564.750 |
| Số cuối năm | 18.355.507.013 | 213.249.995 | 18.568.757.008 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 62.461.545.512 | 116.666.671 | 62.578.212.183 |
| Số cuối năm | 60.876.897.428 | 126.250.005 | 61.003.147.433 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Dang chờ thanh lý | - | - | - |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển giảm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định ⁽ⁱ⁾ | 21.920.000.000 | - | - | 21.920.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 5.087.325.642 | (4.553.814.405) | 533.511.237 |
| Hạng mục giai đoạn 1 nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 | - | 4.553.814.405 | (4.553.814.405) | - |
| Hạng mục giai đoạn 2 nâng cấp đường bãi sau cầu tàu B7 | - | 533.511.237 | - | 533.511.237 |
| Cộng | 21.920.000.000 | 5.087.325.642 | (4.553.814.405) | 22.453.511.237 |

- ⁽ⁱ⁾ Trong năm 2018, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đinh Toàn Mỹ và bà Lê Thị Khánh Vân, theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, giá trị 21.920.000.000 VND. Công ty đã thanh toán toàn bộ cho bên bán. Tuy nhiên, tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa được hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>17.476.693.543</i> | <i>11.994.948.857</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 13.320.640 | 120.003.224 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 4.684.278.523 | 1.431.226.967 |
| Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh | 148.095.646 | 4.249.767.166 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đà Nẵng | - | 1.301.487.000 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 4.335.132.000 | 233.475.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | - | 2.081.679.500 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu | 143.719.000 | 2.572.980.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | - | 4.330.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui | 858.629.200 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một | 7.257.653.534 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | 3.360.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương | 32.505.000 | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>7.837.306.972</i> | <i>16.231.222.438</i> |
| Công ty TNHH Vận tải Cát Lái | 2.196.921.000 | - |
| Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn | - | 525.250.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Việt Lào | - | 3.822.485.105 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.640.385.972 | 11.883.487.333 |
| Cộng | 25.314.000.515 | 28.226.171.295 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.774.343.910 | 13.711.455.206 | (17.651.384.632) | - | 165.585.516 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.508.236.080 | 22.666.689.991 | (19.967.213.170) | 4.207.712.901 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 144.045.655 | 1.968.398.637 | (1.852.511.616) | 259.932.676 | - |
| Thuế nhà đất | - | 447.514.790 | (447.514.790) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Cộng | 5.426.625.645 | 38.797.058.624 | (39.921.624.208) | 4.467.645.577 | 165.585.516 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 21.257.688.543 | 21.592.646.965 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 1.409.001.448 | 1.426.011.017 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 22.666.689.991 | 23.018.657.982 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>14.500.000</i> | <i>457.463.246</i> |
| Phí trước bạ sơ mi rơ moóc | - | 332.285.827 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 14.500.000 | 125.177.419 |
| Cộng | 14.500.000 | 457.463.246 |

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>1.583.907</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thu chi hộ | - | 1.583.907 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>4.420.847.257</i> | <i>4.861.612.627</i> |
| Kinh phí công đoàn | - | 33.356.679 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 6.548.730 | 2.642.306 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 375.750.000 | 589.750.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 2.785.169.475 | 1.910.609.275 |
| Quỹ hoạt động của Ban điều hành | - | 862.714.801 |
| Các khoản chi hộ phải trả | 774.878.546 | 1.446.293.696 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 395.039.954 | - |
| Cộng | 4.420.847.257 | 4.846.950.664 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15b. Phải trả dài hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà - Phải trả về hợp tác kinh doanh | 1.242.791.356 | 1.562.171.356 |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê - Tiền gốc hợp tác kinh doanh phải trả | 571.328.116 | 770.937.491 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 585.000.000 | 615.000.000 |
| Cộng | 2.399.119.472 | 2.948.108.847 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 8.179.581.709 | 6.633.378.835 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 8.179.581.709 | 6.633.378.835 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b) | 8.612.800.000 | 8.812.800.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú | 5.200.000.000 | 5.400.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh | 3.412.800.000 | 3.412.800.000 |
| Cộng | 16.792.381.709 | 15.446.178.835 |

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0242/SME/17LD ngày 13 tháng 10 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 9 năm 2018. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay được quy định tại hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0287/NHNT-SME/17 ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Vay ngắn hạn ngân hàng | Vay dài hạn đến hạn trả | Cộng |
|---------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 6.633.378.835 | 8.812.800.000 | 15.446.178.835 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 26.420.939.109 | - | 26.420.939.109 |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | - | 8.612.800.000 | 8.612.800.000 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (24.874.736.235) | (8.812.800.000) | (33.687.536.235) |
| Số cuối năm | 8.179.581.709 | 8.812.800.000 | 16.792.381.709 |

16b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 5.200.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.387.000.000 | 4.799.800.000 |
| Cộng | 1.387.000.000 | 9.999.800.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng vay số 0186/SME/15CD ngày 23 tháng 11 năm 2015 và Hợp đồng vay số 0212/SME/15CD ngày 30 tháng 12 năm 2015 để đầu tư phương tiện vận tải. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất 7,5%/năm cố định trong năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với biên độ 2%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 19204.15.110.2421850.TD ngày 29 tháng 9 năm 2015 để thanh toán tiền mua phương tiện vận tải, thời hạn vay 48 tháng; Hợp đồng cấp tín dụng số 5006.16.110.2421850.TD ngày 19 tháng 5 năm 2016 để thanh toán tiền mua 01 cầu Kalmar (RTG 6+1), thời hạn vay 60 tháng; và Hợp đồng cấp tín dụng số 2023.17.110.2421850.TD ngày 09 tháng 3 năm 2017 để thanh toán tiền mua phương tiện vận tải, thời hạn vay 48 tháng. Các khoản vay này đều áp dụng lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|---------------|----------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 8.612.800.000 | 8.812.800.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 1.387.000.000 | 9.999.800.000 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | 9.999.800.000 | 18.812.600.000 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | |
|------------------------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 9.999.800.000 |
| Số tiền vay phát sinh | - |
| Số tiền vay đã trả | - |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (8.612.800.000) |
| Số cuối năm | 1.387.000.000 |

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|---------------|--------------------------------|-------------------|---------------|
| Quỹ khen thưởng | 3.110.789.258 | 3.579.071.042 | (2.828.000.000) | 3.861.860.300 |
| Quỹ phúc lợi | 3.143.376.110 | 1.295.147.932 | (2.378.342.000) | 2.060.182.042 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 23.376.133 | 1.249.153.969 | (385.722.014) | 886.808.088 |
| Cộng | 6.277.541.501 | 6.123.372.943 | (5.592.064.014) | 6.808.850.430 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 88.911.874.275 | - | 590.101.672.345 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | - | 14.377.982.803 | 14.779.337.383 |
| Công ty con phát hành cổ phiếu thu bằng tiền | - | - | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty con trích quỹ trong năm trước | - | - | (158.911.931) | 54.213.429 | 118.591.875 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 89.295.515.752 | 2.546.556.347 | 91.842.072.099 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận | - | - | (68.000.000.000) | (1.040.000.000) | (69.040.000.000) |
| Công ty mẹ trích quỹ trong năm trước | - | - | (17.254.296.019) | - | (4.313.574.005) |
| Công ty mẹ trích quỹ hoạt động Ban điều hành trong năm trước | - | - | (2.533.063.083) | - | (2.533.063.083) |
| Số dư cuối năm trước | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 102.075.886.666 | 18.938.752.579 | 623.955.036.614 |
| Số dư đầu năm nay | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 102.075.886.666 | 18.938.752.579 | 623.955.036.614 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 87.707.982.170 | 2.559.087.385 | 90.267.069.555 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước | - | - | (74.800.000.000) | (1.600.000.000) | (76.400.000.000) |
| Công ty mẹ trích quỹ trong năm nay | - | - | (4.317.159.773) | - | (4.317.159.773) |
| Công ty con trích quỹ trong năm nay | - | - | (1.058.412.482) | (254.655.634) | (557.059.201) |
| Công ty mẹ trích quỹ thường Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước | - | - | (385.722.014) | - | (385.722.014) |
| Công ty mẹ trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm nay | - | - | (863.431.955) | - | (863.431.955) |
| Số dư cuối năm nay | 340.000.000.000 | 60.123.448.000 | 102.831.895.581 | 19.643.184.330 | 631.698.733.226 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 162.149.200.000 | 162.149.200.000 |
| Trong đó: | | |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 87.161.700.000 | 87.161.700.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thành niên xung phong | 74.987.500.000 | 74.987.500.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 177.850.800.000 | 177.850.800.000 |
| Cộng | 340.000.000.000 | 340.000.000.000 |

18c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 34.000.000 | 34.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 34.000.000 | 34.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 34.000.000 | 34.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 12/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 19 tháng 4 năm 2019 như sau:

| Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 | VND |
|---|------------------|
| • Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | : 385.722.014 |
| • Chia cổ tức | : 74.800.000.000 |
| Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 | VND |
| • Trích quỹ khen thưởng | : 3.022.011.841 |
| • Trích quỹ phúc lợi | : 1.295.147.932 |
| • Trích quỹ hoạt động Ban điều hành | : 863.431.955 |

Công ty con đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 16 tháng 7 năm 2019 như sau:

| | VND |
|-----------------------------------|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 3.500.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 1.392.648.002 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 557.059.201 |

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 804,88 USD (số đầu năm là 33.732,16USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển | 143.500.000.000 | 141.250.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ vận tải | 156.157.167.456 | 171.182.092.245 |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ | 30.780.000.000 | 32.400.000.000 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 11.574.984 | 12.120.384.993 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 19.745.349.838 | 21.483.217.113 |
| Cộng | 350.194.092.278 | 378.435.694.351 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển | 143.500.000.000 | 141.250.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ | 30.780.000.000 | 32.400.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ vận tải | 98.981.682.174 | 72.951.587.571 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 16.489.203.453 | 14.684.892.385 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển cho các Công ty: | | |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình | - | 3.097.900.000 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 566.595.454 | 287.308.799 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đà Nẵng | 113.903.328 | 899.650.909 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | - | 794.300.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 514.000.000 | 418.546.365 |
| Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh | 229.623.504 | 382.747.304 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ cho thuê cảng biển | 42.740.249.332 | 31.923.625.460 |
| Giá vốn của dịch vụ vận tải | 147.623.821.243 | 163.404.672.933 |
| Giá vốn của dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ | 17.813.171.519 | 17.087.719.208 |
| Giá vốn của dịch vụ khác | 17.868.157.750 | 23.289.551.657 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | - | 11.791.777.346 |
| Cộng | 226.045.399.844 | 247.497.346.604 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 9.988.220.457 | 6.015.684.108 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia ⁽ⁱ⁾ | - | 560.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.788.881 | 67.057.645 |
| Cộng | <u>9.993.009.338</u> | <u>6.642.741.753</u> |

⁽ⁱ⁾ Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 của công ty liên kết.

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.998.786.967 | 2.725.882.273 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.498.330 | 2.517.707 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 23.821 | 5.186.190 |
| Chi phí tài chính khác | - | 14.350.000 |
| Cộng | <u>2.005.309.118</u> | <u>2.747.936.170</u> |

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí dịch vụ mua ngoài.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 12.459.859.136 | 13.197.356.588 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 96.778.990 | 125.793.168 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 511.243.082 | 453.253.433 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 125.379.722 | 266.067.597 |
| Thuế, phí và lệ phí | 78.948.890 | 85.112.423 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 124.439.513 | 214.409.570 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.846.968.895 | 1.892.281.896 |
| Các chi phí khác | 4.000.980.520 | 3.161.440.011 |
| Cộng | <u>19.244.598.748</u> | <u>19.395.714.686</u> |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Tiền bồi thường | 244.863.163 | - |
| Thanh lý vật tư | 9.090.909 | 85.199.999 |
| Thu nhập khác | - | 801 |
| Cộng | <u>253.954.072</u> | <u>85.200.800</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|--------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | - | 2.610.658 |
| Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý | - | 8.000.000 |
| Phạt vi phạm hành chính | 6.350.000 | 48.000.000 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | - | 3.208.016 |
| Chi phí sửa chữa cầu RTG G70 do bị sét đánh | - | 417.551.100 |
| Chi phí bồi thường | 31.627.983 | 18.073.897 |
| Chi phí khác | 3.244.523 | 829.328 |
| Cộng | 41.222.506 | 498.272.999 |

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 87.707.982.170 | 89.295.515.752 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ | (4.317.159.773) | (4.313.574.005) |
| Trích quỹ hoạt động ban điều hành Công ty mẹ | (863.431.955) | (862.714.801) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 82.527.390.442 | 84.119.226.946 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 34.000.000 | 34.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 2.427 | 2.474 |

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 29.239.022.058 | 38.428.791.681 |
| Chi phí nhân công | 32.768.592.721 | 34.300.510.249 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 48.178.377.844 | 48.564.484.039 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 120.714.584.312 | 121.851.542.840 |
| Chi phí khác | 14.786.058.021 | 12.119.591.499 |
| Cộng | 245.686.634.956 | 255.264.920.308 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 2.146.541.435 | 2.265.222.656 |
| Chi quỹ hoạt động, khen thưởng ban điều hành | 1.248.436.815 | 1.670.348.282 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 696.000.000 | 518.000.000 |
| Cộng | <u>4.090.978.250</u> | <u>4.453.570.938</u> |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình

Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng

Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung

Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng

Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

Bên liên quan
của cổ đông sáng lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ | |
|--|------------------------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đà Nẵng | Bên liên quan của cổ đông sáng lập | |
| <i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i> | | |
| Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| <i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i> | | |
| Chi trả cổ tức | 19.175.574.000 | 17.432.340.000 |
| Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ | 169.078.521 | 87.731.451 |
| <i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i> | | |
| Chi trả cổ tức | 2.722.500.000 | 2.475.000.000 |
| <i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong</i> | | |
| Chi trả cổ tức | 16.497.250.000 | 14.997.500.000 |
| Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ | | |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i> | | |
| Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ | 3.226.008.875 | 3.944.147.939 |
| <i>Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC</i> | | |
| Chi phí sử dụng dịch vụ | 2.800.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một</i> | | |
| Phí thi công dự án nâng cấp bãi | 17.746.155.402 | - |
| Phí thi công tuyến cống hộp | 4.553.814.405 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.10 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực dịch vụ vận tải
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê cảng biển | Lĩnh vực dịch vụ vận tải | Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 143.500.000.000 | 156.157.167.456 | 30.780.000.000 | 19.756.924.822 | 350.194.092.278 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 143.500.000.000 | 156.157.167.456 | 30.780.000.000 | 19.756.924.822 | 350.194.092.278 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | | | | | |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | 100.759.750.668 | 8.533.346.213 | 12.966.828.481 | 1.888.767.072 | 124.148.692.434 (19.641.235.112) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 104.507.457.322 225.870.438 |
| Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | 9.993.009.338 (2.005.309.118) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 253.954.072 (41.222.506) |
| Chi phí tài chính | | | | | (22.666.689.991) |
| Thu nhập khác | | | | | |
| Chi phí khác | | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 4.553.814.405 | - | - | - | 4.553.814.405 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 25.273.770.542 | 14.278.244.386 | 16.761.036.000 | - | 56.313.050.928 |

CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Lĩnh vực cho thuế cảng biển | Lĩnh vực dịch vụ vận tải | Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 141.250.000.000 | 171.182.092.245 | 32.400.000.000 | 33.603.602.106 | 378.435.694.351 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 141.250.000.000 | 171.182.092.245 | 32.400.000.000 | 33.603.602.106 | 378.435.694.351 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 109.326.374.540 | 7.777.419.312 | 15.312.280.792 | (1.477.726.897) | 130.938.347.747 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (19.559.351.050) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 111.378.996.697 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 6.642.741.753 |
| Chi phí tài chính | | | | | (2.747.936.170) |
| Thu nhập khác | | | | | 85.200.800 |
| Chi phí khác | | | | | (498.272.999) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (23.018.657.982) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 91.842.072.099 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 3.915.150.009 | - | 21.920.000.000 | 25.835.150.009 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 25.691.396.947 | 15.493.719.356 | 12.573.641.964 | 151.633.127 | 53.910.391.394 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê cảng biển | Lĩnh vực dịch vụ vận tải | Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 211.297.114.097 | 116.614.932.805 | 103.159.901.287 | 2.297.551.617 | 433.369.499.806 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 265.084.283.694 |
| Tổng tài sản | | | | | 698.453.783.500 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 7.257.653.534 | 26.581.889.968 | 2.351.523.145 | 2.599.293.759 | 38.790.360.406 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 27.964.689.868 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 66.755.050.274 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 223.912.861.278 | 113.039.872.259 | 81.391.544.721 | 1.258.922.066 | 419.603.200.324 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 284.090.725.042 |
| Tổng tài sản | | | | | 703.693.925.366 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 315.644.835 | 63.618.493.613 | 1.206.705.844 | 353.478.224 | 65.494.322.516 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 12.747.642.406 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 79.738.888.752 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Trường

Giám đốc


Lê Chí Đăng